

Số: 31 /2001/QĐ.UB

Cần Thơ, ngày 9 tháng 4 năm 2001

**quyết định của UBND tỉnh cần thơ
" V/v phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
5 năm 2001-2005 tỉnh Cần Thơ "**

Ủy ban nhân dân tỉnh cần thơ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 21/6/1994;

Căn cứ Quyết định 62/2000/QĐ-TTg ngày 06/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Cần Thơ từ nay đến năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cần Thơ lần thứ X (nhiệm kỳ 2001-2005);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ tại Công văn số 156/KHĐT ngày 05/4/2001,

quyết định

Điều 1: Phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 tỉnh Cần Thơ với những nội dung chủ yếu sau:

1- Phương hướng phát triển :

Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao và bền vững hơn so với 5 năm 1996-2000 trên cơ sở chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết tập trung cho nông nghiệp - nông thôn. Phát triển đô thị có định hướng trên cơ sở phát triển nông thôn bền vững. Tập trung xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp quan trọng vừa và nhỏ với công nghệ tiên tiến, hiện đại; đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin, trọng tâm là công nghệ phần mềm. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, du lịch, tài chính- tiền tệ và kinh tế đối ngoại. Tập trung các nguồn lực cho xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuẩn bị cho bước phát triển tiếp theo. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, gắn với xây dựng quan hệ sản xuất mới, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng và phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là đào tạo nhân lực cho phát triển công nghệ thông tin. Giải quyết tốt những bức xúc về xã hội: Việc làm, xóa đói giảm nghèo, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2- Các mục tiêu phát triển chủ yếu:

a/ Mục tiêu kinh tế:

- Nhịp độ tăng trưởng kinh tế: 9-10%/ năm.

-Thu nhập bình quân đầu người 600 USD (năm 2005), tăng 1,7 lần so năm 2000.

- Cơ cấu ngành kinh tế: Tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực II và III, giảm tỷ trọng khu vực I. Tỷ trọng khu vực I: 32,5%, khu vực II: 32%; khu vực III: 35,5%.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 13-14%/năm, đạt 530-550 triệu USD năm 2005, gấp 1,9 lần năm 2000.

- Tỷ lệ huy động ngân sách/VA: 15-16% (năm 2005)

- Tỷ lệ tích lũy/VA: 25% (năm 2005).

- Tỷ lệ vốn đầu tư trên địa bàn/VA: 29,5%. Tổng vốn đầu tư trên địa bàn trong 5 năm là 19.000 tỷ đồng.

b/ Mục tiêu xã hội:

- Mức giảm sinh 0,35-0,40‰/ năm. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm dần, còn 1,32‰ vào năm 2005.

- Giải quyết việc làm tại chỗ hàng năm 35.000-40.000 lao động, hạ tỷ lệ lao động thất nghiệp trong độ tuổi còn 4-5%. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 15% tổng số lao động tham gia các ngành kinh tế.

- Tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi vào nhà trẻ, mẫu giáo 90%. Phổ cập trung học cơ sở 60% số phường, thị trấn, 50% số xã.

- Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn dưới 25%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 5% năm 2005 (theo tiêu chí dưới 100.000 đồng/người/tháng đối với nông thôn và dưới 150.000 đồng/ người/ tháng đối với thành thị). Giảm tỷ lệ nhà tạm bợ toàn tỉnh xuống còn khoảng 40%.

- Đẩy mạnh đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng, có khoảng 25-30% số xã được điện khí hóa; cơ bản giải quyết hệ thống đường xe 4 bánh đến trung tâm xã. Đến năm 2005 có 90% số hộ sử dụng điện (nông thôn 80%), 80% hộ dân dùng nước sạch (hộ nông thôn 60%).

- Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa 75-80%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn văn hóa 25-30%.

3- Các khâu đột phá:

a- Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất.

b- Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa trong nước và xuất khẩu.

c- Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

d- Tăng cường liên doanh, liên kết với các tỉnh trong khu vực và thành phố Hồ Chí Minh về kinh tế, giáo dục- đào tạo, khoa học và công nghệ.

e- Cải cách hành chính hệ thống chính trị.

Cụ thể trên một số lĩnh vực:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải trên cơ sở khai thác đúng mức tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương và gắn với thị trường tiêu thụ.

- Trong nông nghiệp - nông thôn: Tăng chất lượng nông sản hàng hóa, coi nuôi trồng thủy sản là thế mạnh thứ hai sau lúa, vườn cây ăn trái, xây dựng các trung tâm giống cây, con có phẩm chất tốt, sạch bệnh, bảo đảm xuất khẩu; xây dựng và thực hiện đề án chung sống với lũ, đảm bảo sản xuất phát triển, an toàn, văn minh.

- Trong công nghiệp: Tập trung phát triển công nghiệp chế biến thủy hải sản, trái cây, lúa; đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng và thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp-khu chế xuất; phát triển công nghệ thông tin, trọng tâm là công nghệ phần mềm.

- Trong du lịch, xuất khẩu: Phát triển mạnh du lịch xanh, đẩy mạnh làm hàng xuất khẩu với chất lượng cao có sức cạnh tranh trên thị trường.

4- Các giải pháp chủ yếu:

Để thực hiện tốt nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch 5 năm 2001-2005, cần phải có hệ thống biện pháp đồng bộ nhằm khai thác tối đa lợi thế về vị trí, huy động các nguồn lực bên trong, bao gồm nhân lực, tiền vốn, trí tuệ, tiến bộ khoa học, công nghệ, khai thác thị trường, thực hiện cải cách hành chính có hiệu quả; đồng thời hết sức tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài kể cả thu hút nguồn vốn, chuyển giao khoa học- công nghệ, đào tạo nhân lực, đẩy mạnh tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phải thể hiện phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 trong kế hoạch kinh tế - xã hội hàng năm, các chương trình, mục tiêu phát triển, các dự án đầu tư, thực hiện đúng mức chủ trương phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, hướng nghiệp, từng bước nâng cao trình độ nguồn nhân lực ngang tầm với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục nghiên cứu và đề xuất UBND tỉnh, Chính phủ để ban hành các chính sách có hiệu quả về phát triển sản xuất - kinh doanh, huy động vốn, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường.

Điều 2: Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện những nội dung cơ bản của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 tỉnh Cần Thơ.

Các Sở, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm cụ thể hóa Kế hoạch 5 năm 2001-2005 của ngành mình, địa phương mình, xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp cụ thể để phấn đấu thực hiện trong năm 2001 và những năm tiếp theo nhằm thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 đã đề ra; đồng thời phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, các Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Tm. UBND tỉnh cần Thơ

**Chủ tịch
Nguyễn Phong Quang**

Phần thứ nhất

Phân tích, đánh giá thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch 5 năm 1996-2000

Kế hoạch 5 năm 1996-2000 phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cần Thơ được xây dựng trong bối cảnh nền kinh tế cả nước và của tỉnh ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của 5 năm trước (1991-1995) đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tuy còn một số mặt chưa vững chắc, song đã tạo được tiền đề cần thiết để tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Trên cơ sở đó, Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ IX đã đề ra mục tiêu phấn đấu cao cho kế hoạch 5 năm 1996-2000 nhằm tạo bước phát triển nhanh hơn trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

Tuy nhiên, tình hình thực tế không diễn ra như dự báo. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, từ đầu năm 1996 đến giữa năm 1997 có nhiều thuận lợi, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt xấp xỉ mức kế hoạch. Song, từ giữa năm 1997 đến năm 1999 tình hình ta cùng cả nước chịu tác

động tiêu cực của cuộc

khủng hoảng kinh tế - tài chính khu vực, thị trường tiêu thụ hàng hóa, nhất là hàng nông sản rất khó khăn, giá cả sụt giảm mạnh (nhất là giá gạo, mía, trái cây...), lũ lụt, sâu bệnh phá hoại mùa màng liên tiếp, gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp và cơ sở hạ tầng. Những biến động không lường trước cùng với những yếu tố chủ quan, nổi lên là hạn chế trong quản lý, điều hành vĩ mô, trong tổ chức thực hiện kế hoạch, việc triển khai các chương trình, dự án trọng điểm chậm, không kịp theo tiến độ đề ra. đã đặt tỉnh Cần Thơ phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn. Trước tình hình đó, toàn Đảng, các cấp chính quyền, các doanh nghiệp cùng toàn dân trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn thách thức, duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế khá, nhiều ngành, lĩnh vực kinh tế có chuyển biến tích cực, lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

I- Những kết quả đạt được:

1- Kinh tế tăng trưởng với nhịp độ khá cao nhưng chưa ổn định: Nhịp độ tăng trưởng kinh tế tăng bình quân 8,1% (mục tiêu tăng 12-13%/ năm); giá trị gia tăng (VA) năm 2000 gấp 1,47 lần năm 1995, trong đó khu vực nông-lâm-ngư nghiệp tăng bình quân 3,18%/ năm (mục tiêu tăng 6-7%/năm), khu vực công nghiệp-xây dựng tăng bình quân 15,14%/năm (mục tiêu tăng 18-19%/năm), khu vực dịch vụ tăng bình quân 9,78%/ năm (mục tiêu tăng 16-17%/năm). Thu nhập bình quân đầu người đạt 354 USD (theo tỷ giá hiện hành của NHNT năm 2000); tỷ lệ tích lũy nội bộ nền kinh tế 21,5% vào năm 2000 (vượt mục tiêu 19%). Trong thử thách gay gắt của quá trình chuyển đổi cơ chế và ảnh hưởng của thiên tai, biến động về tài chính, kinh tế từ bên ngoài, đạt được nhịp độ tăng trưởng trên là thành tựu quan trọng, chứng minh đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, nhìn trên tổng thể của kế hoạch 5 năm 1996-2000 và so với mục tiêu của Nghị quyết Đại hội IX Tỉnh Đảng bộ thì tăng trưởng kinh tế không đạt kế hoạch và tăng trưởng chưa đều ở 3 khu vực kinh tế, thể hiện sự phát triển chưa ổn định, hiệu quả chưa cao.

- Trong 5 năm 1996-2000, với sự tập trung đầu tư phát triển thủy lợi, cơ giới hóa khâu làm đất, thay đổi giống mới, đẩy mạnh công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, đặc biệt làm tốt công tác bảo quản lúa sau thu hoạch 2 năm gần đây, sản xuất nông nghiệp phát triển khá ổn định, nhất là sản xuất lúa, tạo được một số chuyển biến tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa phục vụ xuất khẩu, đa dạng hóa sản phẩm góp phần tăng trưởng kinh tế nông nghiệp, nông thôn có bước đổi mới. Giá trị sản xuất nông ngư nghiệp tăng bình quân 3,2%/ năm, trong đó giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 3,17%/năm, thủy sản tăng bình quân 5,30%/năm. Sản lượng lúa năm 1999 đạt mục tiêu 2 triệu tấn, các nông sản khác như mía, trái cây, rau màu, thịt gia súc- gia cầm, thủy sản đều tăng so với thời kỳ trước, hình thành được vùng lúa chất lượng cao 110.000 ha, vùng mía nguyên liệu phục vụ cho 2 nhà máy đường công nghiệp 9.000 ha, hàng nông sản và sản phẩm chế biến từ nguyên liệu nông sản chiếm tỷ trọng trên 80% tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa, riêng gạo và thủy hải sản chế biến tỷ lệ tinh chế chiếm 55- 60%. Ngoài cơ giới hóa khâu làm đất trên 98%, tưới tiêu 100% (không kể diện tích tưới tiêu tự chảy), 100% sản lượng lúa được tuốt bằng cơ giới, sấy trên 50% sản lượng lúa Hè thu, bước đầu thực hiện cơ giới hóa một số khâu khác trong canh tác lúa như gieo hạt, thu hoạch, phơi sấy, rõ nhất tại 2 nông trường quốc doanh Sông Hậu, Cờ Đỏ và một số hộ dân có điều kiện về diện tích và tiền vốn; một số cơ sở chế biến, bảo quản sau thu hoạch được xây dựng ngay tại vùng nguyên liệu. Các mô hình thủy lợi khép kín kết hợp với giao thông nông thôn tại Long Mỹ, Thốt Nốt, sản xuất kết hợp giữa trồng trọt- thủy sản- chăn nuôi tại Thốt Nốt, Phụng Hiệp, Long Mỹ có hiệu quả kinh tế cao, giữa vườn cây ăn trái-khai thác du lịch tại thành phố Cần Thơ, Châu Thành, Ô Môn đang được phổ biến nhân rộng. Mô hình sản xuất kinh doanh tổng hợp, gắn sản xuất nông - công nghiệp chế biến - mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước thực hiện đạt hiệu quả cao tại Nông trường Sông Hậu, có sức lan rộng ở trong vùng và cả nước. Cơ sở hạ tầng thủy lợi, giao thông nông thôn, cầu, đường, trường, trạm y tế, điện, nước sạch...được tập trung đầu tư, tạo điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện đời sống dân cư vùng nông thôn. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đạt trên 90% hộ nông dân, tình trạng tranh chấp đất đai giảm nhiều so thời kỳ trước là điều kiện quan trọng để ổn định và phát triển sản xuất.

Bên cạnh kết quả đạt được, cũng nổi lên một số tồn tại lớn trong chỉ đạo là cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn chuyển dịch chậm, ngành nghề chưa phát triển nhiều, việc phát triển thủy lợi - giao thông tuy có khá lên nhưng chưa bảo đảm được chủ động tưới tiêu trên toàn bộ diện tích và an toàn cao trong mùa mưa lũ. Chương trình cải tạo giống mới năng cao giá trị nông sản hàng hóa, chương trình phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch, củng cố và phát triển hợp tác xã theo đúng luật thực hiện thiếu đồng bộ, chưa tạo thành những mũi đột phá, tạo bước ngoặt cho phát triển nông nghiệp vững chắc.

- Sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm phát triển khá về số lượng và giá trị. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 18,27%/năm, trong đó công nghiệp quốc doanh TW tăng 19,63%/ năm, công nghiệp địa phương tăng 18,1%/ năm (quốc doanh địa phương tăng 22,83%/ năm, ngoài quốc doanh tăng 8,63%/năm, công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 22,67%/năm). Công nghiệp chế biến tăng bình quân 17,50%/ năm, công nghiệp khai thác tăng bình quân 8,96%/năm, công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước tăng bình quân 29,70%/năm. Một số lĩnh vực đã được tổ chức và sắp xếp lại sản xuất, từng bước đổi mới thiết bị, công nghệ, tăng thêm năng lực sản xuất mới, mở rộng sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, tăng chất lượng hàng hóa, nâng dần sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp làm ăn có hiệu quả tiếp tục được giữ vững và phát triển, điển hình là các đơn vị: Xay xát- chế biến gạo xuất khẩu (cả quốc doanh và ngoài quốc doanh), Xí nghiệp liên hiệp được Hậu Giang, Xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu, Công ty sản xuất - kinh doanh vật liệu xây dựng, Nhà máy phân bón hóa chất Cần Thơ, Công ty bia- nước giải khát Cần Thơ, Xí nghiệp in Cần Thơ, Công ty may Tây Đô ..., đến năm 2000, trên địa bàn tỉnh có 6 doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng chất lượng ISO 9002 là Xí nghiệp liên hiệp được Hậu Giang, Xí nghiệp chế biến thủy hải sản xuất khẩu (Cafatex), Công ty may Tây Đô, Công ty phân bón hoá chất Cần Thơ, Công ty liên doanh xi măng Hà Tiên II, Công ty liên doanh thép Tây Đô. Hầu hết các sản phẩm chủ yếu của tỉnh đến năm 2000 đều tăng so với năm 1995: Thủy hải sản chế biến tăng 2,67 lần, chế biến gạo tăng 2,2 lần, chế biến đường tăng 1,7 lần, bao bì PP tăng 2,27 lần, quần áo may sẵn tăng 2,34 lần, phân NPK tăng 5,1 lần, xi măng tăng 6,4 lần, thép các loại tăng 1,94 lần so năm 1998. Cơ bản hoàn thành quy hoạch 3 khu công nghiệp tập trung (Trà Nóc, Hưng Phú tại thành phố Cần Thơ, Vị Thanh tại thị xã Vị Thanh) và khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Cái Sơn - Hàng Bàng (thành phố Cần Thơ), trong đó khu công nghiệp- chế xuất Trà Nóc đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn I, đang triển khai xây dựng giai đoạn II. Lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp chưa có chuyển biến, với 5.859 cơ sở với 31.192 lao động, chủ yếu là các dịch vụ gia công, sửa chữa nhỏ, sản xuất hàng mộc gia dụng dưới dạng thủ công hoặc bán cơ khí, chế biến thực phẩm tiêu thụ tại chỗ.

Tuy nhiên, các yếu tố công nghệ, trang thiết bị, công nhân lành nghề, cán bộ công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập và cạnh tranh, công tác tiếp cận và giám định công nghệ, thiết bị máy móc nhập khẩu còn kém do thiếu cán bộ có trình độ cao, một số sản phẩm làm ra chưa nhiều nhưng lại tồn đọng, một số cơ sở sản xuất cầm chừng và có khả năng lỗ. Công nghiệp cơ khí chậm được đầu tư, thiếu quan tâm khôi phục và phát triển tiểu thủ công nghiệp tạo sản phẩm có giá trị nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động ngay tại nông thôn.

- Các loại hình dịch vụ tăng khá, hàng hóa dịch vụ đa dạng, đáp ứng được một phần yêu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. Thương nghiệp có mức tăng trưởng khá nhờ khuyến khích phát triển thương nghiệp nhiều thành phần. Thương nghiệp quốc doanh chủ yếu nắm giữ 30% khâu bán buôn và chiếm 14% tổng mức bán lẻ hàng hóa trên thị trường; kinh tế hộ cá thể phát triển, tỷ trọng chiếm 86% tổng mức bán lẻ. Tổng mức hàng hóa bán buôn tăng bình quân 12,7%/năm, tổng mức bán lẻ trên địa bàn tăng bình quân 15%/năm. Mạng lưới chợ đã mở rộng đến 105 xã, phường, trên địa bàn tỉnh có 125 chợ các loại, (trong đó 68 chợ đã quy hoạch), thành thị có 30 chợ, nông thôn 95 chợ. Tồn tại của hoạt động thương mại là chưa làm tốt vai trò cầu nối giữa sản xuất và tiêu thụ, chưa giải quyết tốt đầu ra theo hướng có lợi cho người sản xuất, trong những năm 1998-2000 có lúc giá lúa, mía giảm dưới giá sản, nhất là khi thu hoạch rộ đã ảnh hưởng đến đời sống nông dân, sức mua dân cư giảm trong khi hàng hóa trên thị trường nhiều, sản xuất bị chững lại, đời sống nông dân càng khó khăn hơn.

- Dịch vụ giao thông vận tải đáp ứng được nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách trên cả 2 mặt vận tải thủy- bộ, giá trị vận tải tăng bình quân 16,8%/ năm, khối lượng vận tải hàng hóa tăng bình quân 17,13%/ năm, khối lượng vận tải hành khách tăng bình quân 12,57%/ năm.

- Dịch vụ du lịch hoạt động theo hướng du lịch sinh thái, doanh thu toàn ngành năm 2000 tăng gấp 1,8 lần năm 1995. Lượng khách đến tỉnh tham quan du lịch khoảng 260.000 lượt, trong đó khách trong nước chiếm 77% và quốc tế 23%; nhịp độ tăng bình quân hàng năm 8,3%/ năm, trong đó khách trong nước tăng 7,2%/năm, khách quốc tế tăng 12,5%/ năm. Nhìn chung hoạt động du lịch chưa khai thác đúng mức tiềm năng cả về nội dung và phương thức hoạt động, chưa xây dựng được các khu du lịch, vui chơi giải trí đặc trưng, làm phong phú thêm nội dung các lễ hội dân tộc hấp dẫn khách du lịch.

- Dịch vụ bưu chính viễn thông đáp ứng nhu cầu thông tin kinh tế - xã hội, mật độ điện thoại từ 0,88 máy/ 100 dân năm 1995 nâng lên 3,33 máy/100 dân năm 2000. Ngành Bưu điện đã tiến hành xây dựng mô hình 42 điểm bưu điện văn hóa xã để nhân dân nông thôn tiếp cận với các

phương tiện thông tin liên lạc hiện đại, đọc sách báo, trao đổi các vấn đề có liên quan đến sản xuất và đời sống.

2- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tuy còn chậm nhưng đúng hướng:

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tương đối tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu VA. Khu vực I (nông-lâm-ngư nghiệp) giảm dần từ 50,43% (1995) xuống còn 41,45% (2000). Khu vực II (công nghiệp-xây dựng) tăng từ 17,18% (1995) lên 24,73% (2000). Khu vực III (dịch vụ) tăng từ 32,39% (1995) lên 33,82% (2000) và đã hình thành cơ cấu kinh tế nông nghiệp- dịch vụ - công nghiệp. So với mục tiêu Nghị quyết Tỉnh Đảng bộ lần IX thì khu vực I giảm chậm và khu vực III tăng chậm (mục tiêu đến năm 2000: Khu vực I : 38%, khu vực II: 22%, khu vực III: 40%), khu vực II tăng khá nhanh.

. Khu vực I (nông nghiệp - thủy sản- lâm nghiệp): Thường xuyên chịu tác động của thiên nhiên, thị trường nhưng có mức tăng trưởng bình quân 3,18% là khá tốt, khi có tác động của yếu tố thiên nhiên và thị trường thì ảnh hưởng rõ rệt đến toàn bộ nền kinh tế. Do đó, quy luật cung cầu rất nhạy cảm đối với sản xuất nông nghiệp, nông thôn có 80% dân số là điều tất yếu. Mặc dù khu vực này có tốc độ tăng trưởng thấp hơn mức tăng trưởng chung của nền kinh tế nhưng toàn ngành đã tạo ra 41,5% giá trị gia tăng (VA), chiếm cơ cấu cao nhất trong toàn bộ nền kinh tế, góp phần cải thiện tiêu dùng đại bộ phận nông dân, nông thôn sống bằng nghề nông và là ngành cung cấp một lượng lớn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và cho xuất khẩu, góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

. Khu vực II (công nghiệp - xây dựng), chiếm gần 25% VA với tốc độ tăng trưởng bình quân 15,14%. Đây là khu vực được quan tâm đầu tư để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chi phí sản xuất của ngành còn rất cao 67,6% giá trị sản xuất nên giá trị gia tăng chỉ chiếm 32,4% giá trị sản xuất. Công nghiệp chế biến là ngành lớn thứ 2 sau nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi), chiếm tỷ trọng 26,5% giá trị sản xuất toàn tỉnh nhưng chỉ tạo ra 18% giá trị gia tăng do chi phí trung gian khá lớn. Đây là khu vực quyết định sự thành công của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, các ngành của khu vực này phát triển sẽ tạo cơ sở vững chắc, phát triển các ngành khu vực I và khu vực III, đặc biệt địa bàn nông nghiệp, nông thôn. Do đó, đầu tư đúng mức để cải tiến máy móc, thiết bị, công nghệ sản xuất, tăng chất lượng cạnh tranh sản phẩm trên thị trường là điều rất cần thiết trước mắt, lâu dài và tạo điều kiện thuận lợi hội nhập kinh tế thế giới.

. Khu vực III (các ngành dịch vụ): Đây là khu vực hoạt động năng động, có mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng dân cư, là cầu nối tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực I và khu vực II phát triển. Giá trị sản xuất chiếm 25,4% trong cơ cấu chung toàn tỉnh nhưng đã tạo ra giá trị gia tăng khá cao, chiếm 33,8%VA của nền kinh tế vì đây là khu vực có chi phí sản xuất thấp nhất trong 3 khu vực. Dịch vụ thương mại là ngành lớn thứ 3 sau ngành nông nghiệp và công nghiệp chế biến của 2 khu vực trên.

- Cơ cấu thành phần kinh tế: Đã và đang hình thành các tổ chức kinh tế hỗn hợp dung nạp được nhiều hình thức sở hữu nương tựa nhau cùng phát triển. Cơ cấu thành phần kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế hợp tác, giảm tương đối tỷ trọng thành phần kinh tế tư nhân và tập thể.

. Sau thời gian sắp xếp tổ chức lại, khu vực kinh tế nhà nước bắt đầu phục hồi, phát triển. Trên cơ sở được củng cố và đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh, có 49/59 doanh nghiệp làm ăn có lãi, nhịp tăng bình quân thời kỳ 1996-2000 là 12,5%, đóng góp khoảng 30% ngân sách tỉnh, chiếm tỷ trọng 29,4% giá trị gia tăng của nền kinh tế. Mặc dù giá trị tuyệt đối, thu hút lao động thấp hơn khu vực kinh tế tư nhân nhưng kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong một số ngành, lĩnh vực như công nghiệp điện, nước, chế biến nông sản xuất khẩu, tân dược, dịch vụ cảng, bưu chính viễn thông, xuất nhập khẩu, tài chính- ngân hàng và là đối tác chính trong liên doanh với nước ngoài.

. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng rất nhỏ và tăng dần từ 1,04% năm 1995 lên 2,28% năm 2000. Nhịp độ tăng bình quân thời kỳ 1996-2000 khá nhanh 23,8%.

. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng 68,34%, lớn nhất trong toàn bộ nền kinh tế. Nhịp độ tăng bình quân thời kỳ 1996-2000 là 6,4%. Do trong khu vực này nông nghiệp cá thể chiếm tỷ lệ khá lớn (34-35% VA), số còn lại là sản xuất nhỏ, tiểu thủ công, máy móc thô sơ, lạc hậu, sản phẩm mang tính truyền thống của địa phương.

. Kinh tế hợp tác sau thời gian dài suy giảm, bước đầu đã được tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã, một số đơn vị hoạt động có hiệu quả và năng động hơn trước, mô hình liên kết giữa hợp tác xã nông nghiệp, cơ sở chế biến và tổ chức tín dụng được hình thành.

Hạn chế của chuyển dịch cơ cấu kinh tế là chưa phát huy đúng mức nội lực. Trong nông nghiệp tiềm năng mặt nước nuôi thủy sản, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm chưa được khai thác tốt để tạo cơ cấu kinh tế nông nghiệp cân đối, bền vững; trong công nghiệp các lĩnh vực chủ lực như cơ khí, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông sản chất lượng cao, sản xuất sản phẩm tiêu dùng, tiểu thủ công nghiệp tỷ trọng còn thấp, chưa phát huy đúng mức lợi thế về vị trí tự nhiên để đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ. Đổi mới và hoàn thiện quan hệ sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu; sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn chậm, một số đơn vị hợp tác xã hoạt động chưa đúng luật và điều lệ. Kinh tế ngoài quốc doanh chiếm đại bộ phận dân cư, tiềm năng lớn nhưng tốc độ tăng trưởng thấp hơn mức tăng trưởng chung của nền kinh tế. Cơ chế, chính sách chưa đủ tầm khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển nhanh là những bài học cần rút kinh nghiệm.

3- Sản xuất cơ bản đáp ứng tiêu dùng, có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế và bảo đảm được các cân đối lớn trong nền kinh tế, tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trong điều kiện còn nhiều khó khăn và hạn hẹp.

- Tỷ lệ tích lũy/VA đạt khá từ 16,73% năm 1995 tăng lên 21,5% năm 2000. Những năm gần đây, xây dựng nhà cửa dân cư phát triển mạnh mẽ góp phần tăng tỷ lệ tích lũy sản phẩm ngành xây dựng cơ bản (khoảng 60%), tích lũy của ngành công nghiệp thấp (gần 30%), chứng tỏ tích lũy đầu tư phát triển bề rộng, đầu tư chiều sâu cho trang thiết bị, công nghệ mới và cơ sở hạ tầng còn hạn chế.

- Tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm đều thu kế hoạch khoảng 20%, mức thu ngân sách trên địa bàn năm 2000 tăng gấp 1,63 lần năm 1995, phần thu thuộc ngân sách tỉnh quản lý tăng 1,88 lần. Trong tổng thu ngân sách, khoản thu từ thuế chiếm trên 90% là nguồn thu cơ bản và chủ yếu của ngân sách. Nguồn thu từ thuế tăng, thể hiện qui mô của nền kinh tế được mở rộng, tốc độ lưu chuyển hàng hóa, tiêu dùng dân cư gia tăng, chế độ hạch toán kinh tế tại các đơn vị sản xuất kinh doanh được tăng cường. Thông qua nguồn thu thuế, tổng chi ngân sách địa phương năm 2000 gấp 1,85 lần năm 1995. Cơ cấu nguồn chi ngân sách được điều chỉnh theo hướng tích cực, vừa bảo đảm chi thường xuyên, tăng tỷ lệ chi đầu tư phát triển chiếm trên 30% tổng chi và điều tiết về TW 16-18% tổng thu. Việc thu hút nguồn vốn trong dân cư thông qua chủ trương xã hội hóa đầu tư phát triển giao thông nông thôn, thủy lợi, điện và một số lĩnh vực văn hóa - xã hội đã tăng thêm nguồn đầu tư, giảm bớt khó khăn cho ngân sách.

Tuy mức động viên thuế và phí hàng năm đều tăng, không để mất cân đối ngân sách nhưng vẫn còn thấp so nhu cầu, chỉ mới chiếm khoảng 12-13% VA (mục tiêu 15-17%VA), ngân sách nhà nước vẫn còn thất thu do còn bỏ sót một hệ kinh doanh phải đóng thuế, khai man doanh thu để trốn thuế, tỷ lệ thu thuế so VA khu vực ngoài quốc doanh thấp hơn rất nhiều so với khu vực kinh tế nhà nước. Do nguồn thu còn hạn hẹp nên các khoản chi bị co kéo, dàn trải cho nhiều chương trình, dự án. Công tác quản lý công sản, tài chính công, tài chính doanh nghiệp nhà nước chưa chặt chẽ, có trường hợp còn lãng phí.

- Hoạt động của hệ thống ngân hàng từng bước được đổi mới về tổ chức, mạng lưới, huy động vốn và cho vay với nhiều hình thức. Các tổ chức tín dụng cung ứng vốn đầu tư cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhiều hộ nông dân được ngân hàng cho vay vốn sản xuất với lãi suất thấp góp phần hạn chế cho vay nặng lãi ở nông thôn; cung cấp tín dụng cho các đơn vị sản xuất kinh doanh mở rộng qui mô sản xuất, mua sắm thêm thiết bị máy móc, công nghệ hiện đại. Ngoài ra các ngân hàng còn mở rộng hình thức cho vay đến các đối tượng chính sách, xóa đói giảm nghèo, tôn cao nền nhà vùng nông thôn ngập lũ, cho sinh viên có nhu cầu vay để học tập... Tuy nhiên, hệ thống ngân hàng, đặc biệt là ngân hàng thương mại chưa mạnh dạn đầu tư vốn trung, dài hạn cho các doanh nghiệp có nhu cầu, còn tình trạng ngân hàng ứ đọng vốn trong khi các doanh nghiệp thiếu vốn.

- Thực hiện chủ trương đẩy mạnh phát huy nội lực, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật kinh tế - xã hội, tổng vốn đầu tư huy động trong 5 năm là 9.169,755 tỷ, gấp 4,5 lần thời kỳ 1991-1995 và chiếm 81,50% tổng vốn đầu tư của 10 năm 1991-2000, đạt 82,5% KH huy động vốn đầu tư 5 năm 1996-2000. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư trong nước chiếm tỷ trọng lớn 90,37%, vốn nước ngoài ở mức 9,63%. Trong cơ cấu nguồn vốn trong nước, vốn thuộc TW quản lý 2.837,95 tỷ, chiếm 30,95%, vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý 1.342,26 tỷ, chiếm 14,64%, vốn tín dụng nhà nước đầu tư 595,85 tỷ, chiếm 6,5%, vốn tự có của các doanh nghiệp nhà nước 705,97 tỷ, chiếm 7,7%, vốn thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh 2804,4 tỷ, chiếm 30,58% vốn đầu tư trên địa bàn. Vốn đầu tư tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (khu vực III) chiếm 67,60%, khu vực II chiếm 26%, còn lại là khu vực I chiếm 6,40% tổng vốn đầu tư. Trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đầu tư cho khu vực thành thị chiếm 55%, khu vực nông thôn 45%. Riêng vốn ngân sách đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp chiếm từ 15-

18%, đầu tư các công cơ sở sản xuất giống, vật tư nông nghiệp, khuyến nông...

trình thủy lợi tạo nguồn,

Với nguồn vốn huy động được, tỉnh đã tập trung đầu tư cho các công trình, mục tiêu trọng điểm, hình thành và phát triển cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất, đầu tư cho mục tiêu phát triển nông nghiệp - nông thôn, xóa đói giảm nghèo, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế quan trọng như mạng thông tin liên lạc, điện, thủy lợi, công trình giao thông thủy - bộ, nâng cấp các tuyến đường nội ô thành phố, thị xã, thị trấn, hệ thống cấp thoát nước, cùng nhiều công trình văn hóa, giáo dục, y tế, phúc lợi công cộng, phát triển khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường.

- Các công trình trọng điểm đã được triển khai trong kế hoạch 5 năm 1996-2000:

. Quy hoạch chi tiết, phân khu chức năng các khu công nghiệp tập trung. Đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng khu chế xuất - công nghiệp Trà Nóc giai đoạn I, tiếp tục đầu tư giai đoạn II, bước đầu triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng cho khu công nghiệp Hưng Phú, Vị Thanh, khu công nghiệp tiểu thủ công nghiệp Cái Sơn- Hàng Bàng.

. Quy hoạch chi tiết các trung tâm thị trấn huyện, các cụm công nghiệp quan trọng trên địa bàn tỉnh. Chính trang đô thị nội ô thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh, các thị trấn huyện.

. Cầu Quang Trung đưa vào sử dụng trong năm 2000.

. Quy hoạch vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, vùng mía nguyên liệu.

. Nhiều dự án thuộc ngành công nghiệp chế biến nông thủy hải sản, vật liệu xây dựng, hoá chất, tân dược và hàng tiêu dùng, trung tâm thương mại, hệ thống chợ đầu mối.

. Hoàn thành mục tiêu đưa điện về các trung tâm xã, điện khí hoá 12/79 xã, phát triển giao thông nông thôn đã cơ bản áp liên ấp, ấp liên xã, thủy lợi khép kín chủ động tưới tiêu 100.000 ha, trong đó tưới bằng điện chiếm 4%, xây dựng các trạm cấp nước, giếng nước sạch tập trung tại các xã, thị trấn, cụm đồng dân cư và các giếng bơm lên ở những nơi thưa dân. Có 72% số hộ sử dụng điện so với mục tiêu 80% sử dụng điện, hộ nông thôn sử dụng điện đạt tỷ lệ 60% (mục tiêu 60-70%), tỷ lệ hộ nông thôn dùng nước sạch 53,2% so với mục tiêu 80-90% hộ sử dụng nước sạch.

. Cơ sở vật chất các ngành giáo dục - đào tạo, khoa học kỹ thuật, y tế, văn hóa - xã hội, du lịch, thể dục - thể thao và các lĩnh vực dịch vụ khác tăng đáng kể. Đầu tư mới trang thiết bị, nâng cấp trường lớp, xóa lớp học ca 3, cải tạo bệnh viện 30/4 và các trung tâm y tế huyện, triển khai xây dựng mới bệnh viện đa khoa khu vực, mạng lưới y tế cơ sở được nâng cấp và mở rộng khắp 105 phường, xã, thị trấn. Nhiều công trình văn hóa, thể dục - thể thao được xây dựng mới, nâng cấp như nhà văn hóa thiếu nhi, bảo tàng tỉnh, các di tích văn hóa lịch sử, nhà thi đấu đa năng, trụ sở làm việc cơ quan hành chính các cấp. Mô hình cụm kinh tế - xã hội được đầu tư mạng lưới giao thông nội bộ, điện, chợ, cơ sở y tế, trường tiểu học, trung học cơ sở..., tạo tiền đề cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Tuy nhiên, đầu tư có trường hợp tính toán, cân đối chưa kỹ, chủ trương đầu tư có lúc thiếu nhất quán, còn dãn trải, kéo dài thời gian. Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý: Tỷ lệ đầu tư cho nông nghiệp thấp, đặc biệt trong các dự án cải tạo giống, bảo quản - chế biến nông sản chất lượng cao, cơ giới hóa nông nghiệp, vốn đầu tư cho công nghiệp chưa đủ sức kết cấu lại sản xuất toàn ngành, nhất là khôi phục và phát triển ngành cơ khí, tiểu thủ công nghiệp, chưa hướng được đầu tư của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh theo mục tiêu và kế hoạch.

4- Khoa học - công nghệ và môi trường:

Khoa học công nghệ góp phần quan trọng trong việc tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh, tăng sức cạnh tranh sản phẩm, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Các kết quả nghiên cứu hệ thống giống nông nghiệp, quy trình canh tác, điều tra nghiên cứu cơ bản, công nghệ khai thác, chế biến, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin... đã được ứng dụng vào các ngành sản xuất, đem lại hiệu quả rõ rệt. Trình độ công nghệ của một số lĩnh vực sản xuất - dịch vụ được nâng lên. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ, đo lường chất lượng sản phẩm được tăng cường, bổ sung và đầu tư mới những thiết bị tương đối hiện đại trong một số lĩnh vực sản xuất, dịch vụ quan trọng. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có những đóng góp vào quá trình thực hiện chuyển giao công nghệ và là lực lượng chính trong quản lý, vận hành, khai thác các dây chuyền công nghệ, thiết bị do bên ngoài chuyển giao. Công tác bảo vệ môi trường được chú ý quan tâm nhiều hơn, đặc biệt là kiểm tra đánh giá tác động môi trường, các giải pháp giải quyết ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp tập trung- khu chế xuất, các cơ sở sản xuất đang hoạt động nằm trong khu dân cư, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án chuẩn bị đầu tư có nguy cơ gây ô nhiễm.

Tuy nhiên, trước thực trạng lực lượng cán bộ khoa học công nghệ thiếu, cơ cấu chưa đồng bộ, chưa có sự hợp tác chặt chẽ giữa các Viện, Trường, các Hội khoa học kỹ thuật với cơ quan quản lý nhà nước nên việc áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đời sống chưa thật sự gắn kết, các công trình nghiên cứu giải quyết vấn đề bức xúc trong lĩnh vực khoa học công nghệ tại địa phương chưa nhiều.

5- Kinh tế đối ngoại phát triển khá nhanh nhưng hiệu quả chưa cao.

- Thực hiện chủ trương đa phương hóa quan hệ, đa dạng hóa hình thức, các doanh nghiệp xuất khẩu của tỉnh đã có quan hệ ngoại thương với trên 40 nước, trong đó thị trường Châu Á chiếm trên 65% (gồm khối Asean, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Châu Âu 8-12% (chủ yếu là khối Liên hiệp Anh, Tây Âu), Châu Mỹ (chủ yếu là Hoa Kỳ) 11,12%, thị trường Châu Phi và Châu úc còn mới, tiêu thụ hàng hóa chưa cao. Giá trị xuất khẩu hàng hóa tăng từ 110 triệu USD năm 1995 lên 275,2 triệu USD năm 2000, tăng bình quân 20,1%/năm. Cơ cấu hàng xuất khẩu bao gồm hàng nông sản và chế biến từ nông sản 47,23%, hàng thủy sản chế biến 44,41%, hàng công nghiệp 7,36%, hàng hóa khác 1%. Các mặt hàng chủ yếu như gạo xuất khẩu tăng 5 lần, tôm đông lạnh tăng 2,3 lần, thủy hải sản đông lạnh tăng 2,8 lần, quần áo may sẵn gấp 2,16 lần, giày các loại gấp 1,33 lần so năm 1995. Giá trị nhập khẩu năm 2000 là 88 triệu USD, 100% là nhập trực tiếp, hàng hoá nhập khẩu chủ yếu là tư liệu phục vụ sản xuất chiếm 97,73%, hạn chế và giảm thấp nhập hàng tiêu dùng nhất là các loại hàng hóa, vật tư trong nước sản xuất được. Ngoài ra, xuất khẩu đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, xuất khẩu tăng một lần dẫn đến tăng sản xuất ở mức 2-3, đặc biệt đối với ngành công nghiệp. Xuất khẩu trong thời gian qua không chỉ đơn thuần là thu ngoại tệ mà đã thực sự đóng vai trò phục vụ sản xuất và giải quyết việc làm.

- Trong 5 năm thu hút thêm 18 dự án đầu tư nước ngoài (không kể 3 dự án đã rút giấy phép) với tổng vốn đăng ký là 59,5 triệu USD, gấp 2 lần thời kỳ 1991-1995, vốn thực hiện 27 triệu USD, chiếm 9,5% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Lũy kế đến năm 2000, trên địa bàn tỉnh có 27 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký là 111,2 triệu USD, vốn thực hiện 56 triệu USD. Các dự án đầu tư gồm 7 dự án chế biến nông sản - thực phẩm và lĩnh vực nông nghiệp; 16 dự án công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng; 4 dự án thuộc lĩnh vực dịch vụ, vui chơi giải trí. Hiện có 13 dự án đang hoạt động có doanh thu, 2 dự án hoạt động thử, 11 dự án đang trong quá trình triển khai sau cấp phép, 2 dự án tạm thời ngưng triển khai. Các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài nhìn chung phù hợp với định hướng quy hoạch của tỉnh, giải quyết việc làm cho trên 2.200 lao động. Mức doanh thu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động khoảng 50 triệu USD/năm, trong đó giá trị xuất khẩu chiếm 30% (khoảng 15 triệu USD), đóng góp vào ngân sách tỉnh khoảng 3 triệu USD/năm.

- Về nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): Có 11 chương trình, dự án được triển khai thực hiện với số vốn được cam kết khoảng 50 triệu USD, giải ngân được 35 triệu USD, đạt 75% KH. Trong số này có 4 dự án thuộc địa phương quản lý gồm nhà máy nước Cần Thơ II, điện khí hóa xã Vĩnh Viễn, phát triển lúa gạo sau thu hoạch, nâng cấp trang thiết bị cho 2 trung tâm y tế huyện và xây dựng 10 phòng học tại trường tiểu học Định Môn I với số vốn cam kết 12 triệu USD, đã giải ngân 11,5 triệu USD, đạt 96% KH, còn lại 38 triệu USD thuộc các chương trình lồng ghép của TW, gồm các dự án nâng cấp phà Cần Thơ, chương trình nước sạch nông thôn, xây dựng khoa nông nghiệp Trường Đại học Cần Thơ, xây dựng các trường trung học cơ sở, trường tiểu học, nhà máy sản xuất nhựa đường nhũ tương, nâng cấp hệ thống giao thông nội ô TP Cần Thơ.

- Vốn viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ (NGO): Từ năm 1996 tỉnh đã tranh thủ được nguồn viện trợ của các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài qua 38 dự án NGO với tổng vốn tài trợ 4 triệu USD. Nguồn viện trợ từ NGO cho từng dự án tuy nhỏ song góp phần tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật trong các lĩnh vực y tế, giáo dục- đào tạo, phát triển nông thôn, vệ sinh môi trường, đào tạo nghề, nâng cao kiến thức và xoá đói giảm nghèo đúng đối tượng của chương trình.

6- Đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên:

Đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận dân cư được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người năm 2000 theo giá thực tế 5,051 triệu đồng tăng gấp 1,73 lần năm 1995. Thu nhập bình quân đầu người có xu hướng tăng do hai yếu tố chi phối: Sản xuất tăng khá và công tác dân số kế hoạch hóa gia đình bước đầu có hiệu quả, nhưng mức chênh lệch giữa phi nông nghiệp và nông nghiệp hàng năm còn cách xa (năm 1995 : 2,8 lần, năm 2000: 3,7 lần). Bởi lẽ khu vực nông nghiệp, nông thôn chiếm 80% dân số nhưng chỉ tạo ra được 41,5% VA, khu vực phi nông nghiệp chiếm 20% dân số nhưng đã tạo ra 58,5% VA. Năng suất lao động chung tăng bình quân 6,8%, trong đó năng suất lao động khu vực I tăng bình quân 2%; khu vực II tăng bình quân 11,20%; khu vực III tăng bình quân 10,2%. Tỷ lệ lao động chưa có việc làm ổn định giảm dần từ gần 9% năm 1995 xuống còn 5,95% tổng số lao động trong độ tuổi vào năm 2000 (62.685 người). Trong 5 năm

1996-2000 công tác di dân dân thực hiện được 2.921 hộ bao gồm 15.621 khẩu, giải quyết việc làm cho 8.128 lao động. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí năm 1997: Thành thị dưới 90.000 đồng/ người/ tháng, nông thôn dưới 70.000 đồng/ người/ tháng) giảm bình quân 1,5%/ năm, từ 11,8% năm 1995 đến năm 2000 còn 4,12% tổng số hộ, có 5 xã, phường được công nhận thoát nghèo, theo tiêu chí năm 2000 thì tỷ lệ hộ nghèo còn 9,64% (Thành thị dưới 150.000 đồng/ người/ tháng, nông thôn dưới 100.000 đồng/ người/ tháng). Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 41,89% năm 1997 giảm xuống còn dưới 30% năm 2000, đạt kế hoạch đề ra. Tình trạng thiếu lương thực, thực phẩm và hàng hóa tiêu dùng thiết yếu của dân cư đã được khắc phục kể cả vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu. Điều kiện đi lại học hành, khám chữa bệnh, thưởng thức văn hóa, văn nghệ, tiếp cận thông tin được cải thiện nhiều so với thời kỳ trước. Tỷ lệ nhà kiên cố 3,84%, bán kiên cố 41,89%, nhà tạm bợ 54,27%, chưa đạt mục tiêu Nghị quyết giảm nhà tạm bợ còn 40%. Tại thành thị tỷ lệ nhà kiên cố 12,14%, bán kiên cố 57,30%, nhà đơn sơ 24,96%. Tại nông thôn, tỷ lệ nhà kiên cố 1,57%, bán kiên cố 36,14%, nhà tạm bợ 62,28%.

Thực trạng giá nông sản giảm thấp, khó tiêu thụ trong những năm 1998-2000, làm giảm thu nhập của nông dân, nhất là những hộ có diện tích canh tác thấp, thiếu vốn đầu tư vay ngân hàng để sản xuất, phải tranh thủ bán sản phẩm vào lúc thu hoạch rộ, giá giảm để trang trải chi phí sinh hoạt gia đình.

7- Văn hóa - xã hội:

- Sự nghiệp giáo dục- đào tạo:

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo có bước phát triển mới cả về qui mô, chất lượng, loại đào tạo, cơ sở vật chất. Phong trào xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa loại hình giáo dục - đào tạo đã phát huy hiệu quả, tỷ lệ thu hút học sinh đến trường theo từng độ tuổi tăng ở tất cả các bậc học, ngành học, đáp ứng được hầu hết nhu cầu học tập của học sinh. Thu hút trẻ vào mẫu giáo tăng 7,2%, tỷ lệ huy động trẻ vào tiểu học 94%, trung học cơ sở tăng bình quân 7,4%, trung học phổ thông tăng bình quân 15,8%, giáo dục chuyên nghiệp khoảng 6.000 học viên, tăng bình quân 5,4%, cao đẳng, đại học 16.000 sinh viên, tăng bình quân 10,9%. Tỷ lệ giáo viên đạt tiêu chuẩn tăng lên hàng năm. Chất lượng giáo dục, đào tạo được nâng lên, tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học giảm dần, năm học 1999-2000 tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học đạt 99,35%, trung học cơ sở 89,38%, trung học phổ thông 79,55%. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia từ năm 1998 và đang tiếp tục thực hiện nâng cao tỷ lệ phổ cập đúng độ tuổi, công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở đang được triển khai.

Mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông từng bước được sắp xếp, mở rộng, cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư thêm hàng năm, xóa dần tình trạng lớp học ca 3 và tre lá xuống cấp, hiện chỉ còn 422 phòng học tre lá và 79 lớp học ca 3. Chế độ tiền lương cho đội ngũ giáo viên được cải tiến, nhất là giáo viên dạy tại ở các điểm trường vùng sâu, vùng xa, khắc phục dần tình trạng thiếu giáo viên (hiện còn thiếu khoảng 1.000 giáo viên phổ thông).

- Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao:

. Phát thanh và truyền hình có nhiều cố gắng mở rộng diện phủ sóng đạt kết quả khá, đến năm 2000 khoảng 70% hộ xem truyền hình, 80% hộ nghe đài phát thanh, đi sâu vào tuyên truyền đường lối đối mới của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước, động viên, cổ vũ các nhân tố tích cực, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực và tệ nạn xã hội, khơi dậy và phát huy truyền thống nhân ái, giúp đỡ nhau trong hoạn nạn, xóa đói giảm nghèo. Chương trình đưa văn hóa về cơ sở, xây dựng đời sống văn hóa phát triển tốt, mô hình gia đình văn hóa, khu văn hóa gia đình, ấp, khu vực, xã, phường, nông trường văn hóa được các cấp chính quyền quan tâm, nhân dân hưởng ứng trở thành động lực phát triển, đến năm 2000 đã công nhận 264.798 hộ gia đình văn hóa đạt 75% tổng số hộ vượt so mục tiêu Nghị quyết đạt 60% tổng số hộ, 350/847 ấp - khu vực văn hóa, 26/105 xã - nông trường văn hóa.

. Hoạt động thể dục- thể thao có nhiều tiến bộ, từng bước được kiện toàn và đi vào chiều sâu, phát triển rộng ra vùng nông thôn với nhiều loại hình. Tỷ lệ người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên tăng từ 4% năm 1995 lên 13,63% năm 2000, khoảng 1.600 đội thể dục - thể thao thuộc nhiều loại hình. Thực hiện tốt việc đa dạng hóa loại hình đào tạo các môn thể thao mũi nhọn, có 20 đội thể thao và 56 vận động viên có đẳng cấp quốc gia.

- Chương trình y tế - bảo vệ sức khỏe được triển khai đồng bộ:

. Phong trào kế hoạch hóa gia đình đi vào chiều sâu, đạt kết quả tốt về yêu cầu giảm sinh trong phạm vi toàn tỉnh. Mạng lưới dịch vụ được triển khai ở 100% xã, phường; mỗi xã, phường

thực hiện các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và dịch vụ chăm sóc, sinh sản cho thai phụ, khám phụ khoa, chăm sóc sức khỏe trẻ em. Tỷ suất sinh giảm từ 2,417% năm 1995 xuống còn 1,921% năm 2000, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1,942% năm 1995 xuống còn 1,502% năm 2000 là khá thấp so với mục tiêu đề ra còn 1,7%.

Chương trình y tế- bảo vệ sức khỏe nhân dân được triển khai thường xuyên, khá đồng bộ, thu được nhiều kết quả, nhất là trong các lĩnh vực y tế dự phòng, tiêm chủng, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Tình trạng sức khỏe nhân dân tiếp tục được cải thiện, y tế cơ sở từng bước được củng cố phát triển, các trạm y tế xã đều có bác sĩ, nâng cao năng lực điều trị, chỉ số thu hút bệnh nhân về tuyến y tế cơ sở ngày càng tăng, giải toả được một phần áp lực bệnh nhân về tuyến tỉnh và huyện. Tích cực triển khai phòng chống dịch bệnh chủ động không để phát sinh dịch lớn trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ tử vong trong điều trị hạ thấp, tiêm chủng mở rộng đạt tỷ lệ 98-99,5%, 6 bệnh truyền nhiễm của trẻ em từng bước được khống chế và giảm rõ rệt (không còn trường hợp bệnh bạch hầu, bại liệt), chương trình phòng chống lao, phong, sốt rét, tâm thần, mắt hột, suy dinh dưỡng trẻ em, bướu cổ đều đạt và vượt các mục tiêu đề ra.

- Chính sách xã hội:

Chính sách ưu đãi, chăm lo đời sống cho thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công là một trong những công tác được quan tâm và từng bước xã hội hóa. Phong trào phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc thân nhân liệt sĩ già yếu cô đơn, đỡ đầu con liệt sĩ mồ côi không nơi nương tựa đang trở thành phong trào và thu được kết quả tốt trong các năm qua. Trong 5 năm 1996-2000, đã xây dựng 2.118 căn nhà tình nghĩa, nâng tổng số nhà tình nghĩa lên 5.024 căn, tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng được phong tặng 679 người, trong đó có 272 mẹ còn sống đã được các đơn vị trong và ngoài tỉnh nhận chăm sóc, phụng dưỡng đến cuối đời, có 22.182 đối tượng chính sách được cấp sổ bảo hiểm y tế, 40.000 đối tượng chính sách được trợ cấp hàng tháng. Nhìn chung đời sống các đối tượng chính sách tuy còn khó khăn, tập trung chủ yếu ở vùng nông thôn, vùng sâu, kháng chiến cũ... nhưng so với năm 1995, cuộc sống của đại bộ phận được nâng lên, một số gia đình được hỗ trợ đã biết cách làm ăn trở nên khá.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực trạng văn hóa - xã hội còn nhiều vấn đề cần quan tâm giải quyết: Tình trạng không có việc làm ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn đang trở thành vấn đề gay gắt, nổi cộm hiện nay. Giáo dục vùng nông thôn tuy có phát triển nhưng còn chậm, cơ sở vật chất trường lớp từng bước được tăng cường nhưng phần lớn còn tạm bợ, xuống cấp, thiếu trang thiết bị cho nhu cầu dạy và học, chi phí học tập còn cao là trở ngại đối với gia đình học sinh có mức thu nhập thấp. Cơ cấu đào tạo mất cân đối về ngành nghề, bậc đào tạo, học sinh tốt nghiệp có xu hướng trụ lại địa bàn thành phố, trong khi ở vùng nông thôn thiếu nhiều cán bộ, giáo viên ngay cả cán bộ kỹ thuật nông nghiệp. Cơ sở vật chất của các ngành y tế, văn hóa thông tin, thể dục - thể thao tuy có cải thiện nhưng còn thiếu, nhất là ở tuyến huyện và xã, xã hội hóa các hoạt động trên còn hạn chế cả về nhận thức và cụ thể hóa chủ trương. Tình trạng vi phạm trật tự an toàn giao thông, các tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng. Tình trạng ô nhiễm vệ sinh môi trường cả thành thị và nông thôn khắc phục chưa đáng kể, vệ sinh thực phẩm kiểm soát chưa chặt chẽ. Đạo đức, lối sống trong một bộ phận thanh thiếu niên biểu hiện phi văn hóa chưa được giải quyết, khắc phục tốt.

8- Công tác xây dựng chính quyền:

Hệ thống chính quyền các cấp trong tỉnh có bước trưởng thành trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Hội đồng nhân dân các cấp hoạt động với chất lượng cao hơn. Pháp lệnh nhà nước đã từng bước tạo ra khuôn khổ và hành lang pháp lý trên nhiều lĩnh vực sản xuất và đời sống, dần dần thực hiện quản lý hành chính chủ yếu bằng pháp luật, việc thử nghiệm mô hình quản lý hành chính " một cửa " bước đầu rút được kinh nghiệm tốt. Tình trạng sách nhiễu, thủ tục phiền hà giảm bớt, bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở gọn lại, bớt khâu trung gian, tách dần quản lý hành chính nhà nước về kinh tế với quản lý sản xuất kinh doanh. Hoạt động tư pháp có nhiều tiến bộ, các cơ quan tham gia tố tụng bám sát nhiệm vụ chính trị địa phương, độc lập và tuân thủ pháp luật. Ý thức pháp luật của nhân dân được nâng lên, kỷ cương xã hội từng bước được thiết lập. Việc giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại của công dân đã được quan tâm làm tốt hơn, đến nay các vụ án quan trọng kéo dài tồn đọng đã cơ bản giải quyết xong. Công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng mang lại kết quả tích cực, người dân tin tưởng vào đường lối của Đảng và các cấp chính quyền, an tâm đầu tư sản xuất.

9- An ninh quốc phòng:

Phong trào quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân tiếp tục phát triển rộng và đi vào chiều sâu. Cùng với lực lượng quân sự và công an đã phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tham nhũng, buôn lậu, làm thất bại nhiều âm mưu và hành động phá hoại

của các thế lực thù địch, bảo vệ trật tự an toàn xã hội, giữ vững an ninh chính trị ở địa phương. Việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với quốc phòng an ninh được chú ý hơn trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch. Các phương án phòng thủ và thế trận quốc phòng, an ninh ngày càng được củng cố, tăng cường. Công tác huấn luyện, diễn tập của lực lượng quân sự địa phương và công an nhân dân đạt kết quả tốt. Phối hợp diễn tập thực binh của các lực lượng vũ trang trong tỉnh với lực lượng quân khu có hiệu quả thiết thực. Công tác tuyển quân hàng năm đều vượt chỉ tiêu, chất lượng được nâng lên. Dân quân tự vệ phát triển đều khắp trên các địa bàn, đạt tỷ lệ 1,5% dân số. Công tác giáo dục quốc phòng trong nhân dân và nhà trường, giáo dục quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc được tiến hành thường xuyên. Thực hiện tốt Luật nghĩa vụ quân sự, chính sách hậu phương quân đội và lực lượng công an tốt hơn trước.

II- Nguyên nhân những tồn tại, yếu kém:

Sự đan xen các mặt làm được và chưa được trong thời gian qua xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính, tập trung các nhóm nguyên nhân sau:

1- Công tác dự báo và xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phát triển còn mang tính chủ quan, nóng vội, dựa vào các mặt thuận lợi với những thành tựu đạt được trong 5 năm 1991-1995, chưa phân tích được các mặt tồn tại, những nguy cơ mất cân đối của nền kinh tế, chưa đánh giá đầy đủ diễn biến phức tạp bối cảnh trong nước và quốc tế trong khi các tiền đề cần thiết cho phát triển cao và ổn định như chất lượng nguồn nhân lực, trình độ khoa học và công nghệ, điều kiện kết cấu hạ tầng, khả năng về huy động vốn còn ở mức thấp. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ 5 năm 1996-2000, điều hành còn lúng túng và hạn chế trong xử lý các mối quan hệ nhất là giữa sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và các cân đối vĩ mô.

2- Chậm cụ thể hóa các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội và Chính phủ nên chưa đủ sức tạo ra động lực mới, vượt qua khó khăn, nhất là các chủ trương đổi mới doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa, khuyến khích đầu tư trong nước, thu hút vốn nước ngoài, đầu tư phát triển khoa học - công nghệ, xã hội hóa đầu tư các lĩnh vực văn hóa-xã hội.

3- Bố trí cơ cấu vốn đầu tư còn dàn đều, chưa tập trung cho các mũi đột phá theo hướng ưu tiên cho nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển công nghiệp và dịch vụ theo hướng phục vụ nông nghiệp - nông thôn nhằm tạo ra sự phát triển toàn diện của khu vực này, kích cầu chưa tương xứng với cung và mở rộng thị trường, quy hoạch chưa đầy đủ và đồng bộ nên chưa xác định được các mũi nhọn đột phá, còn tình trạng sản xuất tự phát đối với từng ngành, từng lĩnh vực sản xuất, từng sản phẩm, làm cho người sản xuất thường đầu tư vào các lĩnh vực thương mại, dịch vụ mang lại lợi ích trước mắt, chưa tập trung cho khâu sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

4- Trình độ, năng lực quản lý kinh tế - xã hội còn hạn chế, điều hành của hệ thống chính quyền có mặt lúng túng, chưa nhất quán, tình trạng quan liêu, bần giấy còn phổ biến, thông tin tình hình thực tế phục vụ điều hành, chỉ đạo cho lãnh đạo chưa tốt, nhất là thông tin có cơ sở khoa học để quyết định chủ trương, chất lượng tổng kết thực tiễn chưa cao, chưa sát thực tế. Chiến lược về cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa được triển khai thực hiện đồng bộ, có tình tranh chấp và, bị động, việc lựa chọn, quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng, đãi ngộ cán bộ còn bình quân, chậm xử lý những cán bộ có sai sót.

Phần thứ hai **định hướng kế hoạch 5 năm 2001-2005** **phát triển kinh tế - xã hội**

I- Dự báo những thuận lợi và khó khăn của thời kỳ phát triển mới:

Bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước đầu thế kỷ XXI đều có tác động đến sự phát triển chung của tỉnh. Trong những năm trước mắt, bước đầu dự báo tỉnh Cần Thơ sẽ có những thuận lợi, khó khăn chủ yếu sau đây trong quá trình hội nhập và cạnh tranh.

1- Thuận lợi và thời cơ:

- Nền kinh tế các nước ASEAN và một số nước Châu á đang phục hồi và phát triển. Xu thế hòa bình, hợp tác, hội nhập mở ra nhiều cơ hội cho đất nước và có tác động tích cực đến tỉnh ta.

- Khoa học và công nghệ sẽ tác động rất lớn và tích cực đến việc thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta, tạo điều kiện cho chuyển giao công nghệ, tăng nhanh khả năng tiếp nhận và làm chủ công nghệ mới, gắn kết chặt chẽ khoa học - công nghệ với sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý.

- Sự ổn định chính trị- xã hội là nền tảng vững chắc, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và tỉnh nhà.

- Đảng ta đã có đánh giá toàn diện 15 năm đổi mới, kinh nghiệm quản lý kinh tế và xử lý tình huống các khó khăn, đã đề ra chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2010. Thể chế quản lý kinh tế, hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách từng bước hoàn thiện, tạo ra khung hành lang pháp lý thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.

- Tỉnh Cần Thơ và nhất là thành phố Cần Thơ có vị trí nằm ở địa bàn khá thuận lợi trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh đã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 được Chính phủ phê duyệt. Nguồn nhân lực còn lớn, đặc biệt đội ngũ trí thức khá đông đảo. Có Trường Đại học Cần Thơ và Viện lúa đồng bằng sông Cửu Long đóng trên địa bàn. Cơ sở vật chất kỹ thuật của tỉnh và trong vùng đầu tư xây dựng nhiều năm qua đã phát huy tác dụng. Nhiều công trình, dự án có qui mô lớn sẽ được triển khai (cảng, sân bay, cầu Cần Thơ) tạo động lực mới để phát triển tỉnh nhà, đồng thời góp phần thúc đẩy đồng bằng sông Cửu Long phát triển trong sự nương tựa qua lại giữa các tỉnh trong vùng. Đảng bộ, quân và dân tỉnh nhà đã có bước trưởng thành nhiều mặt trong 25 năm xây dựng hoà bình và 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới, là nhân tố quan trọng đưa tỉnh ta tiếp tục phát triển trong những năm đầu thế kỷ XXI.

2- Khó khăn và thách thức:

- Mở cửa, hội nhập và thực hiện nền kinh tế thị trường là cơ hội để phát triển, đồng thời cũng là thách thức lớn về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng và an ninh. Đặc biệt khi Việt Nam gia nhập AFTA, ký kết Hiệp định thương mại Việt Mỹ và tham gia WTO thì sức ép cạnh tranh sẽ tăng lên rất lớn.

- Tình hình thiên tai bão, lũ, lốc xoáy, sạt lở và sâu bệnh phá hoại mùa màng sẽ còn diễn biến phức tạp, cần có những chủ trương và biện pháp đúng, kịp thời để bảo vệ sản xuất, đời sống nhân dân và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Nền kinh tế của tỉnh tuy có bước phát triển nhưng nhìn chung điểm xuất phát thấp, cơ cấu kinh tế nặng về nông nghiệp trong khi giá cả nông sản không ổn định; công nghiệp chưa phát triển mạnh, công nghệ còn lạc hậu; thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển chưa tương xứng với vị trí, tiềm năng, thế mạnh của một tỉnh trung tâm khu vực. Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế chưa nhiều, vốn đầu tư nội tại chỉ đáp ứng 40% nhu cầu phát triển. Cơ sở hạ tầng còn yếu kém, chưa đồng bộ.

- Nhiều vấn đề bức xúc về xã hội chưa được giải quyết tốt: Lao động thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn khá cao, chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa các tầng lớp nhân dân và giữa các khu vực trong tỉnh còn khá lớn; tệ nạn xã hội có chiều hướng phát triển. Trình độ dân trí và khoa học công nghệ có mặt còn thấp so với một số tỉnh và thành phố trong cả nước.

II- Phương hướng, mục tiêu tổng quát, nhiệm vụ, các chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội kế hoạch 5 năm 2001-2005.

1- Phương hướng, mục tiêu tổng quát 10 năm 2001- 2010:

Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của nhà nước vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Phấn đấu cùng cả nước, đến năm 2020 Cần Thơ cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển đổi cơ bản từ nông nghiệp - dịch vụ- công nghiệp (hiện nay) sang công nghiệp- dịch vụ- nông nghiệp sau năm 2010. Đến năm 2010, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân được nâng lên một bước đáng kể, thu nhập bình quân đầu người gấp 2,4 lần năm 2000. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm năng kinh tế, quốc phòng an ninh được tăng cường, hệ thống chính trị vững mạnh.

2- Phương hướng, mục tiêu đến năm 2005:

Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao hơn so với 5 năm 1996-2000 và bền vững, trên cơ sở chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết tập trung cho nông nghiệp - nông thôn. Phát triển đô thị có định hướng trên cơ sở phát triển nông thôn bền vững. Tập trung xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp quan trọng vừa và nhỏ

với công nghệ tiên tiến, hiện đại; đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin, trọng tâm là công nghệ phần mềm. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, du lịch, tài chính- tiền tệ và kinh tế đối ngoại. Tập trung các nguồn lực cho xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuẩn bị cho bước phát triển tiếp theo. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, gắn với xây dựng quan hệ sản xuất mới, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng và phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là đào tạo nhân lực cho phát triển công nghệ thông tin. Giải quyết tốt những bức xúc về xã hội: Việc làm, xóa đói giảm nghèo, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3- Các mục tiêu phát triển chủ yếu:

Căn cứ vào Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Cần Thơ đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ X nhiệm kỳ 2001-2005, các mục tiêu chủ yếu được xác định như sau:

a/ Mục tiêu kinh tế:

- Nhịp độ tăng trưởng kinh tế (VA) 9-10%/ năm. Trong đó khu vực I (nông - lâm - ngư nghiệp) tăng 3-4%, khu vực II (công nghiệp- xây dựng) tăng 16-17%, khu vực III (dịch vụ) tăng 10-11%.

- Thu nhập bình quân đầu người 600 USD (năm 2005), tăng gấp 1,7 lần so năm 2000.

- Cơ cấu ngành kinh tế: Tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực II và III, giảm tương đối tỷ trọng khu vực I. Tỷ trọng khu vực I là 32,5%, tỷ trọng khu vực II 32%, tỷ trọng khu vực III là 35,5%.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 13-14%/năm, đạt mức 530-550 triệu USD năm 2005, gấp 1,9 lần năm 2000.

- Tỷ lệ huy động ngân sách/VA: 15-16%

- Tỷ lệ tích lũy/ VA tăng từ 21,5% năm 2000 lên khoảng 25% năm 2005.

-Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội/VA: 29,5% (trong đó 25% do nguồn vốn tích lũy, còn lại là các nguồn đầu tư khác). Vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm 19.000 tỷ đồng (64,5% vốn trong nước, 35,5% vốn nước ngoài).

b/ Mục tiêu xã hội:

- Mức giảm sinh bình quân 0,35-0,40‰. Mức tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,5% năm 2000 xuống còn 1,32% năm 2005.

- Giải quyết việc làm tại chỗ hàng năm 35.000- 40.000 lao động, hạ tỷ lệ lao động thất nghiệp trong độ tuổi còn 4-5%. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 15% tổng số lao động tham gia các ngành kinh tế.

- Tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi vào nhà trẻ, mẫu giáo 90%. Phổ cập trung học cơ sở 60% số phường, thị trấn, 50% số xã.

- Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn dưới 25%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 5% năm 2005 (theo mức dưới 100.000 đồng/ người/ tháng đối với nông thôn và dưới 150.000 đồng/ người/ tháng đối với thành thị). Giảm tỷ lệ nhà tạm bợ toàn tỉnh xuống còn khoảng 40% (ở nông thôn nhà kiên cố 3-5%, bán kiên cố 42-45%, nhà đơn sơ, tạm bợ 50-55%).

- Đẩy mạnh đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng, có khoảng 25-30% số xã được điện khí hoá; cơ bản giải quyết hệ thống đường xe 4 bánh đến trung tâm xã. Đến năm 2005 có 90% số hộ sử dụng điện (nông thôn 80%), 80% hộ dân dùng nước sạch (hộ nông thôn 60%).

- Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa 75-80%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn văn hóa 25-30%.

Để tổ chức triển khai thực hiện tốt phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu nêu trên, trong 5 năm tới, tỉnh chọn các khâu đột phá:

(1): Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất.

(2): Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa trong nước và xuất khẩu.

(3): **Đẩy mạnh**
cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

đào tạo nguồn nhân lực

(4): Tăng cường liên doanh, liên kết với các tỉnh trong khu vực và thành phố Hồ Chí Minh về kinh tế, giáo dục- đào tạo, khoa học và công nghệ.

(5): Cải cách hành chính hệ thống chính trị.

Cụ thể trên một số lĩnh vực:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải trên cơ sở khai thác đúng mức tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương và gắn với thị trường tiêu thụ.

- Trong nông nghiệp - nông thôn: Tăng chất lượng nông sản hàng hóa, coi nuôi trồng thủy sản là thế mạnh thứ hai sau lúa, vườn cây ăn trái, xây dựng các trung tâm giống cây, con có phẩm chất tốt, sạch bệnh, bảo đảm xuất khẩu; xây dựng và thực hiện đề án chung sống với lũ, đảm bảo sản xuất phát triển, an toàn, văn minh.

- Trong công nghiệp: Tập trung phát triển công nghiệp chế biến thủy hải sản, trái cây, lúa; đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng và thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp- khu chế xuất; phát triển công nghệ thông tin, trọng tâm là công nghệ phần mềm.

- Trong du lịch, xuất khẩu: Phát triển mạnh du lịch xanh, đẩy mạnh làm hàng xuất khẩu với chất lượng cao có sức cạnh tranh trên thị trường.

III- Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội:

Trên cơ sở tăng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế và thực hành tiết kiệm, tập trung huy động các nguồn vốn tại địa phương, tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương và nước ngoài, tiếp tục điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng đầu tư chiều sâu, tạo chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế, ưu tiên tập trung cho những chương trình, mục tiêu trọng điểm, phát triển khoa học công nghệ nâng cao sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập, thực hiện có kết quả mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phát triển công nghiệp chế biến chất lượng cao, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực gắn liền với nâng cao dân trí là nhiệm vụ trọng tâm trong định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 2001-2005. Trên cơ sở đó, hướng phát triển các ngành, lĩnh vực cụ thể như sau:

1- Điều chỉnh cơ cấu đầu tư nâng cao sức cạnh tranh:

Phần đầu 5 năm 2001-2005, đưa tổng vốn đầu tư toàn xã hội lên 19.000 tỷ đồng, gấp 2 lần so với thời kỳ 5 năm trước (1996-2000).

- Điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng đầu tư chiều sâu, lựa chọn các dự án trọng điểm mà trọng tâm là đầu tư phát triển nông nghiệp - nông thôn, công nghiệp chế biến và các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng của nền kinh tế để thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế đã được xác định.

- Tăng tỷ trọng đầu tư cho khu vực I từ 6,39% (thời kỳ 1996-2000) lên 11,3% (thời kỳ 2001-2005), tăng tỷ trọng vốn đầu tư khu vực II từ 26% (thời kỳ 1996-2000) lên 46,8%, giảm tương đối tỷ trọng đầu tư cho khu vực III từ 67,6% (thời kỳ 1996-2000) xuống còn 41,9% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (thời kỳ 2001-2005). Riêng nguồn vốn huy động từ nội bộ tỉnh đầu tư cho khu vực I (nông nghiệp) thời kỳ 2001-2005 chiếm tỷ lệ khoảng 18-20%.

Dự kiến nguồn vốn đầu tư thời kỳ 2001-2005

[Cơ cấu, nguồn vốn	Thời kỳ 1996 - 2000		Thời kỳ 2001-2005	
	Tổng vốn (Tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Tổng vốn (Tỷ đồng)	Cơ cấu (%)
I- Nguồn vốn đầu tư	9.169,75	100	19.000	100
1- Vốn trong nước	8.286,438	90,37	12.250	64,47
- Vốn TW quản lý	2.837,954	30,95	3.550	18,68
- Vốn ngân sách địa phương	1.342,261	14,64	1.700	8,95

- Vốn tín dụng đầu tư	595,32	6,50	1.500	7,89
- Vốn tự có của các DNNN	705,971	7,70	1.700	8,95
- Vốn ngoài quốc doanh	2.804,4	30,58	3.800	20
2 Vốn nước ngoài	883,31	9,63	6.750	35,53
II. Cơ cấu đầu tư				
Phân theo khu vực KT	9.169,75	100	19.000	100
- Khu vực I	586,274	6,40	2.150	11,30
- Khu vực II	2.384,374	26	8.890	46,80
- Khu vực III	6.199,109	67,60	7.960	41,90

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi, cầu, đường giao thông, cung cấp nước sạch, điện, trường học, cơ sở y tế, văn hóa, thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn. Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới đường huyết mạch quan trọng trong tỉnh, tạo điều kiện cho các tiểu vùng phát triển. Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường huyện. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng và phát triển cơ sở hạ tầng đô thị thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh, các thị trấn, cụm kinh tế - xã hội, xây dựng xong bệnh viện đa khoa khu vực

Tích cực cùng Trung ương xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ nguồn vốn vay ODA đã được xác định như cầu Cần Thơ, nhà máy nhiệt điện Ô Môn, cảng Cái Cui kết hợp nạo vét luồng Định An, đường Quang Trung - Cái Cui, nâng cấp quốc lộ 1 và 91 thành đường cấp II đồng bằng, quốc lộ 91B và 61 thành đường cấp III đồng bằng; cải tạo, nâng cấp và khai thác sân bay Cần Thơ, dự án cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, cải tạo lưới điện thành phố Cần Thơ, hệ thống kênh cấp II Ô Môn - Xà No, hai tuyến đường thủy TP Hồ Chí Minh đi Kiên Lương, Cà Mau qua Cần Thơ.

Tăng cường công tác quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản bảo đảm thực hiện đúng những quy định của nhà nước và chủ trương của tỉnh, chống tham ô, lãng phí; cải tiến các thủ tục xét duyệt dự án cấp phép xây dựng đấu thầu, thủ tục vay, nhận vốn. Khuyến khích các thành phần kinh tế có vốn, có kỹ thuật tham gia xây dựng. Quản lý tốt các nhà thầu tư nhân về kỹ thuật và thu thuế. Tiếp tục nghiên cứu phân cấp quản lý xây dựng cơ bản, quản lý đô thị hợp lý.

2- Định hướng phát triển nông nghiệp - nông thôn:

Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp- nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu.

- Tập trung chỉ đạo đưa nhanh những thành tựu mới của công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp, tạo ra những giống cây con mới có chất lượng sản phẩm cao, có sức cạnh tranh trên thị trường; áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến để thâm canh tăng năng suất và tăng chất lượng sản phẩm của cây trồng, vật nuôi.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, nhất là hệ thống trang thiết bị cho trung tâm giống cây trồng, trung tâm giống thủy sản của tỉnh, tiến tới mỗi huyện có cơ sở sản xuất giống cây, heo, tôm, cá nước ngọt. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến ngư. Thực hiện cơ giới hóa toàn bộ khâu làm đất, thủy lợi, sạ hàng, thu hoạch và đưa công nghệ mới vào các khâu phơi sấy, bảo quản chế biến sản phẩm sau thu hoạch. Thực hiện chương trình kiên cố hóa hệ thống kênh mương thủy lợi của Chính phủ.

- Phát triển mạnh dịch vụ kỹ thuật thuộc các thành phần kinh tế phục vụ nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Gắn phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn với phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn như điện, đường, trường, trạm, chợ, nhà ở, nước sạch... kết hợp phát triển nông thôn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường tự nhiên.

- Tổng kết và rút kinh nghiệm tình hình lũ lụt những năm qua để xây dựng đề án chung sống với lũ. Cần tập hợp các ngành, các nhà khoa học nghiên cứu xây dựng đề án tối ưu, có tính khả thi cao gắn với việc sắp xếp lại địa bàn dân cư, tôn cao nền nhà và các công trình cơ sở hạ tầng... bảo đảm chống lũ, úng, hạn, tưới tiêu chủ động, bảo vệ an toàn cho sản xuất, cơ sở hạ tầng và cuộc sống của nhân dân ổn định, văn minh.

- Phát triển mạnh các hình thức hợp tác, xây dựng phát triển các hợp tác xã ở những nơi có điều kiện, trước mắt hình thành các hợp tác xã tại các vùng lúa chất lượng cao, vùng mía nguyên liệu. Tiếp tục đổi mới hoạt động của các nông, lâm trường trở thành trung tâm kinh tế, thương mại, tài chính, khoa học công nghệ, văn hóa xã hội trong vùng.

- Giá trị gia tăng (VA) tăng bình quân 3 - 4% (theo giá so sánh 1994).

- Giá trị sản xuất (giá cố định 94) tăng bình quân 6-6,5%/ năm, trong đó nông nghiệp tăng 5,5-6%/ năm, thủy sản tăng 14,5-15%/ năm, lâm nghiệp tăng 3,5-4%.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn theo hướng giảm tương đối tỷ trọng ngành trồng trọt, trước hết là lúa, tăng cơ cấu giá trị ngành chăn nuôi, thủy sản, hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn trái.

Trong 5 năm tới, những lĩnh vực sản xuất nông sản hàng hóa quan trọng cần phát triển theo định hướng sau:

a/ Định hướng phát triển các nhóm sản phẩm

- Sản xuất lúa: Giữ diện tích sản xuất lúa khoảng 160.000-170.000 ha có điều kiện tưới tiêu chủ động (giảm 5.000-10.000 ha so hiện nay), trong đó có 110.000 ha lúa chất lượng cao, sản lượng lúa ổn định khoảng 2 triệu tấn lúa chất lượng cao (giá trị qui đổi tương đương khoảng 2,2-2,4 triệu tấn lúa như hiện nay), xuất khẩu 600.000-700.000 tấn/ năm, chủ yếu tập trung vào thâm canh tăng năng suất, sử dụng giống mới, thủy lợi khép kín chủ động tưới tiêu (nâng cao tỷ lệ tưới - tiêu bằng điện ít nhất 50% diện tích) đáp ứng có hiệu quả yêu cầu của thị trường tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Với các loại đất sản xuất lúa kém hiệu quả thì chuyển sang trồng các loại cây khác có hiệu quả cao hơn như đất gò dễ bị khô hạn chuyển sang trồng màu, đất trũng khai thác nuôi thủy sản, đất phèn nặng trồng mía, khóm đi đôi với đầu tư chế biến, đất ven đô thị, thị trấn, thị tứ trồng rau, cây ăn quả...

Màu lương thực chủ yếu là bắp trồng luân canh với lúa, qui mô khoảng 3.000 ha, sản lượng 10.000-12.000 tấn dùng làm nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc.

- Cây công nghiệp ngắn ngày:

. Mía đường: Diện tích 14.000-15.000 ha, trong đó có 9.000-10.000 ha cung cấp cho 2 nhà máy đường, tập trung ở huyện Phụng Hiệp, Long Mỹ, thị xã Vị Thanh, diện tích còn lại cung cấp cho các lò đường chế biến thủ công. Vùng trồng mía cần phải nâng cao bờ líp để lưu gốc, cải tạo giống có trữ lượng đường và năng suất cao (80-100 tấn/ ha), hạ giá thành, tăng thu nhập cho nông dân.

. Khóm: Đầu tư khôi phục lại vùng trồng khóm tại Vị Thanh và Long Mỹ qui mô 3.000-4.000 ha, sản lượng 45.000-60.000 tấn bằng việc thay đổi giống có năng suất cao, phù hợp với quy trình chế biến công nghiệp, cung cấp cho nhà máy chế biến của nông trường Sông Hậu nhằm giải quyết đầu ra cho vùng nguyên liệu truyền thống này.

- Cây ăn trái: Khai thác có hiệu quả lợi thế tự nhiên, sinh thái trồng cây ăn quả tập trung vào các loại cây chủ lực như xoài, bưởi, sầu riêng, nhãn, chôm chôm, măng cụt, cam-quýt sạch bệnh. Các huyện cần tập trung đầu tư kinh tế vườn kết hợp với khai thác du lịch thành thể mạnh gồm các huyện Châu Thành, Ô Môn, vùng ven và các cồn của thành phố Cần Thơ, ngoài ra các huyện khác tùy theo điều kiện tự nhiên có thể qui hoạch vùng trồng cây ăn trái với qui mô nhỏ hơn. Dự kiến qui mô diện tích vườn khoảng 30.000 ha, trong đó ở Châu Thành, Ô Môn và thành phố Cần Thơ khoảng 20.000 ha, có 8.000- 10.000 ha chuyên canh năng suất, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu lớn trong tương lai.

- Thủy sản: Với tiềm năng mặt nước khoảng 100.000 ha thích hợp với nuôi thủy sản nước ngọt, tập trung đầu tư khai thác nuôi thủy sản nước ngọt trở thành lĩnh vực có lợi thế lớn trong ngành nông nghiệp tỉnh. Thời kỳ 2001-2005, dự kiến đầu tư khai thác ít nhất 40.000 ha mặt nước nuôi thủy sản, sản lượng nuôi trên 60.000 tấn đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa và khai thác tối đa năng lực chế biến, nâng kim ngạch xuất khẩu thủy sản. Cùng với đầu tư nuôi bán thâm canh, thâm canh có hướng khôi phục và phát triển đoàn tàu đánh bắt xa bờ cung cấp đủ nguyên liệu cho các cơ sở chế biến thủy sản của tỉnh. Định hướng về phát triển thủy sản như sau:

. Nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa, ao mương vườn tập trung vùng ven sông Hậu tại các huyện Thốt Nốt, Ô Môn, Châu Thành, Phụng Hiệp, vùng ven và các cồn của thành phố Cần Thơ. Qui mô dự kiến 4.000-6.000 ha, sản lượng 2000-3.000 tấn.

. Nuôi cá bè, cá lồng trên các đoạn kênh lớn có điều kiện: Tận dụng mặt nước các sông lớn, nhất là ven sông Hậu, sông Cần Thơ, kênh Cái Côn...phát triển nuôi các bè, cá lồng bằng các loại cá có giá trị cao như các tra, các basa, bống tượng cho chế biến xuất khẩu.

. Nhân nhanh mô hình khoanh nuôi cá tự nhiên hoặc kết hợp trồng lúa với nuôi cá nước ngọt của Nông trường Sông Hậu ra các địa bàn có điều kiện thích hợp về tự nhiên và mặt nước. Dự kiến quy mô trên 30.000 ha.

. Tận dụng mặt nước dưới tán rừng tràm, lung bèo tại Lâm trường Mùa Xuân, Phường Ninh, Lung Ngọc Hoàng khoanh nuôi các loài cá đồng, thủy đặc sản. Diện tích trên 5.000 ha.

- Chăn nuôi: Đẩy mạnh hình thức nuôi bán công nghiệp, công nghiệp bảo đảm các quy trình về chọn lựa con giống, thức ăn, an toàn dịch bệnh cho tiêu dùng nội địa hướng tới cho chế biến xuất khẩu.

. Đàn heo: Phát triển nuôi heo có chất lượng cao, tăng trọng nhanh đạt các tiêu chuẩn về tỷ lệ nạc, vệ sinh thực phẩm. Dự kiến đàn heo 400.000 con

. Đàn gia cầm: Chủ yếu là gà, vịt, đáp ứng nhu cầu thịt, trứng cho nhân dân. Phát triển mạnh chăn nuôi gà, vịt chất lượng cao để xuất khẩu thịt, trứng, lông. Quy mô đàn gia cầm 4- 4,2 triệu con.

. Đàn bò sữa: Có kế hoạch phát triển đàn bò sữa khoảng 5.000 con ở một số địa phương ven TP Cần Thơ, Ô Môn, Châu Thành, Phụng Hiệp cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến sữa Vina milk tại khu công nghiệp Trà Nóc, chú ý khâu chọn giống đàn bò có năng suất sữa cao, tổ chức tập huấn chăn nuôi và lấy sữa bảo đảm chất lượng.

b- Các biện pháp chủ yếu:

- Thủy lợi: Hoàn chỉnh các công trình thủy lợi, chủ động tưới tiêu toàn bộ diện tích canh tác, từng bước kiên cố hoá hệ thống thủy nông, nâng tỷ lệ sử dụng năng lượng điện trong tưới tiêu để giảm chi phí, bảo đảm thâm canh, tăng vụ ổn định.

- ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất:

. Đầu tư phát triển các trung tâm giống, đặc biệt là đầu tư trang bị kỹ thuật hiện đại cho Trung tâm giống Ô Môn, Trung tâm giống thủy sản Long Mỹ. Các cơ sở sản xuất giống phải bảo đảm cung cấp trên 80% giống dùng trong sản xuất là giống chất lượng cao. Giành đủ kinh phí cần thiết cho nhập nội nguồn gen và giống tiến bộ kỹ thuật phục vụ công tác nghiên cứu, lai tạo để nhân nhanh giống tốt phục vụ sản xuất đại trà.

. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác khuyến nông, khuyến ngư nhằm giúp nông dân hiểu và áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong khâu chọn giống, nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

. Chăm sóc và bảo vệ cây trồng, vật nuôi: Đẩy mạnh áp dụng công nghệ sinh học trong chăm sóc và bảo vệ cây trồng vật nuôi, đặc biệt cần quan tâm đến các loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thức ăn gia súc - gia cầm và thủy sản, các loại hình công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm nông nghiệp sạch.

. Cơ giới hóa nông nghiệp: Lựa chọn công nghệ, thiết kế, chế tạo các kiểu máy thích hợp phục vụ cơ giới hóa khâu làm đất, san bằng mặt ruộng, gieo hạt sạ hàng, thu hoạch, sấy và bảo quản nông sản.

. Bảo quản và chế biến: Nghiên cứu, áp dụng các công nghệ tiên tiến để bảo quản, sơ chế, chế biến nông sản nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, bảo đảm các tiêu chuẩn chất lượng và đa dạng các sản phẩm phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

- Phát triển các hình thức hợp đồng tạo mối liên kết chặt chẽ giữa nông dân, các tổ chức kinh tế hợp tác, hợp tác xã với các doanh nghiệp chế biến kinh doanh nông sản trong cung ứng vật tư nông nghiệp và thu mua nông sản.

- Khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu tại chỗ. Chú trọng đầu tư phát triển công nghiệp chế biến lương thực- thực phẩm, hàng tiểu thủ công nghiệp, các lĩnh vực dịch vụ trong nông thôn.

- Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, nhất là giao thông bộ, điện, cơ sở văn hóa- xã hội. Đến năm 2005, hoàn thành các tuyến ấp liên ấp, nhựa hóa tuyến huyện đến xã, bê tông hóa các cầu nông thôn cho xe vận tải lưu thông đến các vùng nguyên liệu sản xuất theo quy mô công

ngiệp. Đến năm 2005 điện khí hóa 25-30% xã phục vụ cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp. Đầu tư nước sạch nông thôn đạt mục tiêu 80% hộ có sử dụng nước sạch qua chế lọc vào năm 2005.

- Khuyến khích hình thành các chợ, khu thương mại tại các xã, cụm kinh tế - xã hội, tạo thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp.

3- Phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp:

- Tập trung chỉ đạo và đầu tư xây dựng hoàn chỉnh khu công nghiệp- chế xuất Trà Nóc, triển khai xây dựng khu công nghiệp Hưng Phú, Vị Thanh, khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Cái Sơn - Hàng Bàng. Ngoài các khu công nghiệp trên, cần xây dựng phát triển khu chế biến lương thực tại huyện Thốt Nốt, Ô Môn, Châu Thành, thị xã Vị Thanh. Khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực theo quy hoạch chuyên ngành công nghiệp và các dự án khuyến khích đầu tư.

- Phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp ở thành thị và khu vực nông thôn (chủ yếu ở các cụm kinh tế - xã hội) phục vụ cho nông nghiệp - nông thôn và các ngành kinh tế khác nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, giải phóng sức lao động nông nghiệp- nông thôn chuyển sang hoạt động công nghiệp và dịch vụ, trước tiên nhắm vào mục tiêu thúc đẩy tiến độ công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, gắn phát triển công nghiệp với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến trình đô thị hóa.

- Trong 5 năm tới, chủ yếu phát triển công nghiệp vừa và nhỏ, phát triển tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống, đa dạng hóa sản phẩm, đổi mới mặt hàng chú trọng vào xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng trong nước. Triển khai các dự án xây dựng nhà máy, đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị, công nghệ tiên tiến các lĩnh vực chế biến nông thủy sản (chế biến nước trái cây, rau quả tươi, thủy hải sản, thịt gia súc - gia cầm, lúa gạo), thức ăn gia súc, cơ khí, hóa chất, vật liệu xây dựng, nhằm sản xuất sản phẩm có chất lượng cao, giảm giá thành, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Chuyển dịch cơ cấu sản xuất công nghiệp theo hướng phát triển ổn định các ngành công nghiệp có tỷ trọng lớn như chế biến nông sản, công nghiệp dệt may, nhựa, vật liệu xây dựng, tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp kỹ thuật cao như cơ khí, hóa chất, sinh học, điện tử, tin học, năng lượng.

- Tiếp tục củng cố, sắp xếp lại các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong tỉnh theo hướng tinh gọn, sử dụng nguồn lao động và nguyên liệu tại chỗ, có thị trường truyền thống và có khả năng mở thêm thị trường mới, ưu tiên đầu tư cho các ngành, các cơ sở công nghiệp mũi nhọn có sản phẩm xuất khẩu. Thực hiện tốt việc phân công, phân cấp cụ thể việc quản lý các lĩnh vực, các cơ sở sản xuất công nghiệp trong tỉnh, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh. Mở rộng quan hệ hợp tác liên doanh, liên kết với các ngành công nghiệp của TW và Quân khu 9 trên địa bàn, với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng.

- Chú trọng giải quyết tốt khoa học công nghệ, môi trường; đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn kỹ thuật và công nhân kỹ thuật lành nghề; tăng cường bộ máy quản lý công nghiệp của tỉnh, TP Cần Thơ, TX Vị Thanh và các huyện, đặc biệt quan tâm đến công tác khuyến công gắn với khuyến nông và khuyến mãi.

- Hình thành trung tâm cơ khí, điện tử, tin học phục vụ cho tỉnh và các tỉnh trong khu vực ĐBSCL theo hướng chỉ đạo của Bộ Công nghiệp.

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp tăng bình quân 16-17%/ năm. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 18-19%/năm, trong đó công nghiệp địa phương tăng 17-18%/năm, riêng công nghiệp chế biến tăng 19-20%. Cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng chế biến- hàng tiêu dùng, cơ khí - vật liệu xây dựng.

Định hướng phát triển một số lĩnh vực, ngành công nghiệp quan trọng:

. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông sản và các sản phẩm từ nông nghiệp như chXay xát - chế biến gạo xuất khẩu chất lượng cao, chế biến thủy- hải sản, thịt gia súc gia cầm, trái cây, rau quả tươi, thức ăn gia súc- gia cầm, thủy sản ... theo hướng đẩy nhanh đổi mới công nghệ tiên tiến đối với các cơ sở sản xuất hiện có, sử dụng công nghệ mới tiên tiến đối với các cơ sở mới xây dựng, bảo đảm các tiêu chuẩn về chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm phù hợp nhu cầu, của từng thị trường xuất khẩu.

. Công nghiệp cơ khí sửa chữa và chế tạo phụ tùng cơ khí máy động lực, máy phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp, công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm, máy xây dựng và các phương tiện phục vụ giao thông vận tải...

. Công nghiệp hóa chất, phân bón: Phát triển sản xuất phân bón, thuốc sát trùng dùng trong nông nghiệp, trong đó chú trọng các dạng sản phẩm sinh học, sản xuất hóa chất phục vụ tiêu dùng như bột giặt, chất tẩy rửa, hàng nhựa, vật liệu composite..., hóa chất phục vụ chế biến nông sản, thuốc tân dược, thuốc thú y...

. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm của các cơ sở sản xuất xi măng, thép, gạch ngói hiện có, đúc trụ bê tông ly tâm, khung nhà, cầu lắp ghép phát triển nông thôn.

. Công nghiệp dệt may và da giày: Chú trọng tìm kiếm và mở rộng thị trường trong nước và nước ngoài. Tăng cường đầu tư hiện đại hóa một số khâu trong sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm đủ sức cạnh tranh.

. Khôi phục và phát triển tiểu thủ công nghiệp: Chú ý hỗ trợ vốn vay cho các chủ cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp đầu tư dây chuyền sản xuất bán cơ khí, thiết bị sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm hàng may mặc, mộc gia dụng, trang trí nội thất, thủ công mỹ nghệ, các dịch vụ gia công, sửa chữa cơ khí, điện gia dụng...

. Có kế hoạch phát triển một số lĩnh vực công nghiệp kỹ thuật cao ở một số ngành như điện tử, tin học ứng dụng, sản phẩm hóa sinh, sản xuất vật liệu mới.

4- Định hướng phát triển các ngành dịch vụ:

a- Thương mại:

- Phát triển thương mại và dịch vụ thương mại theo hướng mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các vùng thành thị và nông thôn, giữa Cần Thơ với các tỉnh trong vùng, trong nước (nhất là thành phố Hồ Chí Minh) và nước ngoài, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân trong tỉnh. Dự kiến tổng mức bán hàng hóa trên thị trường xã hội tăng bình quân 11-12%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng bình quân 8-9%.

- Trong 5 năm tới, ngành thương mại cần cố gắng bảo đảm tốt việc tiêu thụ hàng hóa của các đơn vị bà người sản xuất, trước hết là nông sản hàng hóa của nông dân với giá có lợi cho người sản xuất; cung ứng kịp thời tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Cũng cố và phát triển thương mại, dịch vụ xứng tầm với vị trí trung tâm chuyển vận, phân phối hàng hóa, các dịch vụ và du lịch của khu vực. Từng bước phát triển thị xã Vị Thanh thành trung tâm thương mại lớn ở khu vực giáp ranh phía Tây của tỉnh, các chợ Ngã Bảy (Phụng Hiệp), Cái Răng (Châu Thành), Thốt Nốt, Long Mỹ thành trung tâm mua bán, dịch vụ của tiểu vùng.

- Cùng cố và tổ chức lại hệ thống mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã từ tỉnh đến cơ sở. Huy động từ nhiều nguồn đầu tư phát triển hệ thống kho dự trữ, bến bãi, khu thương mại, chợ, nhất là trung tâm thương mại tại các thị trấn, thị tứ, các chợ nông thôn hoặc tại các tụ điểm dân cư. Tăng cường liên kết giữa thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác, liên doanh, liên kết với các tổ chức thương mại, với các tỉnh trong vùng và cả nước bảo đảm lưu thông hàng hóa từ sản xuất đến người tiêu dùng.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động thương mại, dịch vụ, quản lý thị trường, giá cả, đẩy lùi hàng giả, chống hàng lậu, gian lận thương mại, không để giá cả biến động lớn kể cả khi xảy ra mất mùa, thiên tai.

b- Du lịch:

- Phát triển theo hướng du lịch xanh, sinh thái trên cơ sở khai thác lợi thế về vị trí địa lý khu vực, có các khu công nghiệp - chế xuất, cảng, sân bay và cảnh quan sông nước, vườn cây ăn trái kết hợp với tham quan các di tích, văn hóa, lịch sử, nhân văn, nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, tham quan, giải trí, an dưỡng của du khách trong và ngoài nước. Từng bước đưa du lịch phát triển với các dịch vụ phong phú, chất lượng cao.

- Tiếp tục củng cố, xây dựng hệ thống các di tích lịch sử, văn hóa, hệ thống khách sạn, nhà hàng đủ tiêu chuẩn phục vụ tốt các nhu cầu về ăn, ở của khách trong nước và quốc tế, đào tạo bồi dưỡng cán bộ nhân viên du lịch nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách. Hoàn chỉnh khu văn hóa - thể thao - du lịch cồn Cái Khế, xúc tiến xây dựng mới khu du lịch sinh thái Cồn Ấu, cồn Khương (TP Cần Thơ), cù lao Tân Lộc (huyện Thốt Nốt), kết hợp xây dựng 1-2 khu vui

chơi giải trí tổng hợp để sớm đưa vào khai thác đón đầu khách tham quan Cầu Cần Thơ khi hoàn thành vào năm 2005, từng bước trồng rừng, khôi phục rừng sinh thái tự nhiên khu vực Lung Ngọc Hoàng, Lâm trường Phương Ninh. Đẩy mạnh liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh doanh du lịch trong vùng ĐBSCL và thành phố Hồ Chí Minh để đa dạng hóa hoạt động kinh doanh

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch, đảm bảo hiệu quả về kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ an ninh chính trị và an toàn xã hội ở địa phương.

- Tổng lượt khách đến tỉnh tăng bình quân 13-14%, trong đó tổng lượt khách quốc tế tăng bình quân 14-15%. Doanh thu ngành tăng bình quân 25%.

c- Giao thông vận tải:

- Phát triển vận tải thủy, bộ, cả quốc doanh, hợp tác, tư nhân phù hợp điều kiện đồng bằng có nhiều sông rạch và cảng biển quốc tế. Tích cực góp phần cùng Trung ương sớm hoàn thành việc nâng cấp và đưa vào khai thác sân bay Cần Thơ, xây dựng cầu Cần Thơ, cảng biển Cái Cui kết hợp nạo vét luồng Định An, quốc lộ 91B và 61 cùng nhiều công trình quan trọng khác.

- Trải nhựa và bê tông hóa các tuyến đường từ huyện tới xã, phát triển nhanh giao thông nông thôn, có giải pháp tốt về vận tải hành khách tại thành phố Cần Thơ bằng phương tiện giao thông công cộng, hạn chế xe lôi và các loại xe thô sơ vào thành phố không bảo đảm an toàn và gây ách tắc giao thông.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vận tải bảo đảm về hiệu quả kinh tế, xã hội, bảo đảm an toàn vật tư, hàng hóa và hành khách trong lưu thông, ngăn chặn và giảm tai nạn giao thông gây thiệt hại về người và tài sản.

- Khối lượng vận chuyển hàng hóa tăng bình quân 14-15%, vận chuyển hành khách tăng bình quân 4-5%.

d- Bưu chính viễn thông:

Tiếp tục phát triển mạng lưới, nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính viễn thông, mật độ điện thoại lên 6,1 máy/100 dân, hoà mạng cáp lưới 100%.

5- Tài chính- ngân hàng:

a- Tài chính:

- Tăng nhanh tiềm lực tài chính, điều hành ngân sách theo đúng Luật ngân sách nhà nước, phấn đấu hàng năm thu vượt chỉ tiêu thu ngân sách TW giao. Thực hiện thu thuế đúng luật, chống thất thu thuế và những tiêu cực trong công tác thu thuế. Khuyến khích tăng thu trên cơ sở mở rộng sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư xây dựng cơ bản, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách, chống tham ô, lãng phí.

- Nguồn ngân sách bảo đảm cho các hoạt động về giáo dục- đào tạo, y tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, ưu tiên cho hoạt động giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, củng cố bộ máy quản lý nhà nước ở các ngành, các cấp, tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết 7 (khóa VIII).

- Quan tâm chỉ đạo tốt công tác xây dựng ngân sách cấp huyện, xã và công tác tài chính ở các đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp. Tăng cường công tác quản lý vốn, tài sản của các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp. Chuẩn bị các điều kiện để tham gia thị trường chứng khoán an toàn và hiệu quả.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn dự kiến 1.325 tỷ (năm 2005), tăng bình quân 7-8%. Thu nội địa dự kiến 1.195 tỷ, tăng bình quân 6,5-7%.

- Dự kiến tổng chi ngân sách địa phương năm 2005 là 1.100 tỷ. Tỷ lệ thu ngân sách/chi ngân sách là 83%. Dự kiến chi đầu tư xây dựng cơ bản khoảng 400 tỷ, chiếm 35% tổng chi.

b. Ngân hàng:

- Cải cách thủ tục về thẩm định, cho vay, nâng cao chất lượng và an toàn trong hoạt động tín dụng. Thực hiện cải tiến các hình thức huy động vốn, mở rộng các dịch vụ ngân hàng nhằm huy động tối đa mọi nguồn vốn nhàn rỗi trong dân vào mục tiêu đầu tư phát triển.

- Tăng nhanh vốn vay trung hạn, dài hạn cho các thành phần kinh tế, đến từng hộ dân, ưu tiên cho vay thực hiện các chương trình - mục tiêu trọng điểm của địa phương. Đẩy mạnh công tác thanh toán và xử lý nợ tồn đọng. Các ngân hàng và ngành tài chính phát huy hơn nữa vai trò tham

mưu cho cấp ủy, ủy ban nhân dân về tình hình tài chính không lành mạnh ở các doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp, để có chủ trương và biện pháp xử lý sớm, khắc phục tình trạng phát hiện chậm, gây hậu quả nghiêm trọng.

- Nguồn vốn tăng bình quân 33- 35%; trong đó huy động tại chỗ 40%. Dự nợ nền kinh tế tăng bình quân 30%; tỷ trọng dự nợ ngắn hạn 70%. Tỷ lệ dự nợ quá hạn dưới 5% trong tổng dự nợ.

6. Hợp tác phát triển và kinh tế đối ngoại:

a- Hợp tác phát triển:

- Mở rộng hợp tác giữa Cần Thơ với TP Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực chuyển giao công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch, cơ khí chế tạo, công nghệ thông tin, công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu mới, kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp. Đẩy mạnh xuất khẩu dưới hình thức liên doanh- liên kết, giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm thị trường. Các loại hình dịch vụ, tài chính - ngân hàng, tư vấn. Đào tạo chuyên gia khoa học - công nghệ, quản lý và quản trị kinh doanh.

- Hợp tác giữa Cần Thơ và các tỉnh trong khu vực ĐBSCL và Đông Nam bộ: Khai thác có hiệu quả cảng Cần Thơ, cảng Cái Cui, chế biến và xuất khẩu từ nguyên liệu nông thủy hải sản trong vùng, sản xuất, tiêu thụ phân bón, thức ăn gia súc, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y, dịch vụ sửa chữa máy móc phục vụ sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tại khu vực ĐBSCL, TP Hồ Chí Minh và Đông Nam bộ.

- Hợp tác với Trường Đại học Cần Thơ, Viện lúa ĐBSCL, Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam, Trung tâm nghiên cứu và phát triển nuôi thủy sản ĐBSCL: Đào tạo cán bộ khoa học công nghệ chuyên ngành phát triển nông nghiệp, công nghiệp, quản lý kinh tế môi trường, công nghệ thông tin. Lai tạo giống cây, con, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp toàn diện.

b. Kinh tế đối ngoại:

- Thực hiện chiến lược kinh tế đối ngoại năng động trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Chủ động liên doanh, liên kết, khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch, cơ khí, sản xuất vật liệu mới, công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm phục vụ sản xuất, tiêu dùng, xuất khẩu.

- Quan tâm chỉ đạo các dự án liên doanh với nước ngoài đảm bảo có hiệu quả. Sớm khắc phục những yếu kém của đội ngũ cán bộ quản lý phía Việt Nam được phân công công tác trong các liên doanh với nước ngoài.

- Tăng cường quan hệ hợp tác đa phương và thường xuyên liên hệ với các bộ, ngành Trung ương thu hút thêm nguồn tài trợ ODA, NGO nhằm mục đích phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển xã hội tăng thêm nội lực cho nền kinh tế.

c. Xuất nhập khẩu:

- Xây dựng chương trình xuất khẩu trên cơ sở phát huy ưu thế về đất đai, lao động, phù hợp với yêu cầu thị trường nước ngoài. Khuyến khích các thành phần kinh tế đủ sức cạnh tranh tham gia xuất khẩu trực tiếp theo luật định. Cùng với xuất khẩu hàng hóa, đẩy mạnh xuất khẩu lao động để giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

- Thành lập Trung tâm thông tin xúc tiến thương mại khu vực và phát triển hệ thống thông tin thương mại, giúp các doanh nghiệp hiểu và nắm chắc nhu cầu thị trường thế giới. Đẩy mạnh phát triển thị trường mới, đặc biệt đối với thị trường Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Châu Âu, Châu Phi và các quốc gia thuộc vùng Trung Đông, khôi phục và phát triển thị trường Nga, các quốc gia độc lập SNG, Đông Âu.

- Nhập khẩu vật tư, trang thiết bị, máy móc, công nghệ hiện đại phục vụ sản xuất công nghiệp tạo nguồn hàng xuất khẩu chất lượng cao, các thiết bị cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, y tế, giáo dục - đào tạo.

- Dự kiến giá trị xuất khẩu hàng hóa năm 2005 là 530-550 triệu USD, nhích tăng giá trị xuất khẩu hàng hóa 13-14%, gấp 1,9 lần so năm 2000. Cơ cấu giá trị hàng xuất khẩu gồm hàng nông sản 47%, thủy hải sản 47%, hàng công nghệ phẩm 5%, hàng hóa khác 1%. Dịch vụ thu ngoại tệ 20 triệu USD tăng bình quân 27-28%. Giá trị nhập khẩu năm 2005 khoảng 200 triệu USD, tăng bình quân 17%, gấp 2 lần năm 2000.

7- Phát triển khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường:

a/ Khoa học công nghệ và môi trường

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ để phát triển khoa học- công nghệ một cách toàn diện bao gồm cả khoa học kỹ thuật, công nghệ, xã hội nhân văn, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái; lấy ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại là chủ yếu (tập trung vào công nghệ sinh học). Yêu cầu quan trọng đối với sự nghiệp khoa học công nghệ là cung cấp đầy đủ các luận cứ khoa học để đề ra chủ trương, chính sách và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, nêu cao chức năng của khoa học và công nghệ trong việc thẩm định các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến trong và ngoài nước, hình thành thị trường khoa học - công nghệ trên cơ sở gắn nghiên cứu với sản xuất, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động khoa học công nghệ và môi trường, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học- công nghệ, trong đó nguồn vốn ngân sách dành 1-2% tổng chi ngân sách cho các công trình nghiên cứu.

- Trong 5 năm tới, cần tạo bước phát triển mới có hiệu quả trong các lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh, nâng cao hơn nữa tỷ trọng đóng góp của khoa học và công nghệ vào tăng trưởng trong từng ngành, từng sản phẩm, từng lĩnh vực, từng vùng kinh tế. Từng bước vươn lên nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, tạo bước phát triển ban đầu về công nghệ sinh học, vật liệu mới, điện tử, tự động hóa.

- Xây dựng đề án khoa học "sống chung với lũ" theo từng vùng, từng cụm kinh tế - xã hội. Tiến hành bổ sung điều tra cơ bản một cách toàn diện về trình độ công nghệ, mức tích lũy, lao động- trình độ và sử dụng lao động, việc làm; đánh giá tài nguyên nước, nguồn lợi thủy sản, đề ra các chủ trương, giải pháp hợp lý để khai thác đúng mức, có hiệu quả các nguồn tài nguyên.

- Đẩy mạnh hợp tác tuyển chọn giống cây con có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế nhân rộng ra sản xuất. áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến, công nghệ sinh học, sử dụng hợp lý hoá chất trong bảo vệ, chăm sóc cây trồng - vật nuôi, sản xuất nông sản sạch, thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản theo công nghệ tiên tiến.

- Nghiên cứu, triển khai phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo, điện tử, tin học, tạo sản phẩm mới có chất lượng cao từ các nguồn nguyên liệu trong nước, áp dụng công nghệ vi sinh, hóa sinh trong chế biến và bảo quản nông sản, sản xuất phân bón, nông dược. ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất vật liệu để xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp với điều kiện tự nhiên và kinh tế của tỉnh, triển khai sử dụng nguồn năng lượng mặt trời, năng lượng sạch trong sản xuất và sinh hoạt.

- Tập trung nghiên cứu các chỉ số cơ bản nhằm đo lường tình trạng sức khỏe, những ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe cộng đồng, các giải pháp phòng chống suy dinh dưỡng, ngộ độc thức ăn.

- Làm tốt công tác giám định về chất lượng, đo lường. Thực hiện nghiêm Luật môi trường, có những quy chế xử lý đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường, ưu tiên đầu tư các dự án bức xúc về thu gom, xử lý rác thải, xử lý nước thải, truyền thông về môi trường và vệ sinh môi trường.

b/ Công nghệ thông tin:

- Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 58-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về công nghệ thông tin, khẩn trương xây dựng đề án phát triển công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu phát triển của tỉnh và khu vực.

Trước mặt tập trung chỉ đạo và đầu tư vốn, đào tạo nhân lực cho phát triển nhanh, mạnh công nghệ thông tin, trọng tâm là công nghệ phần mềm, coi đây là một mũi đột phá quan trọng của tỉnh trong những năm sắp tới. Quan tâm chỉ đạo đưa nhanh công nghệ thông tin vào công tác quản lý kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước và hệ thống Đảng, đoàn thể, quản lý doanh nghiệp.

8. Phát triển kết cấu hạ tầng:

a- Hệ thống thủy lợi:

- Hướng các công trình thủy lợi kết hợp với giao thông thủy bộ ở nông thôn vào phân bố lại dân cư, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống lụt bão giảm nhẹ thiên tai, tiêu úng xổ phèn, cải thiện ô nhiễm môi trường, cung cấp nước sạch.

- Đầu tư mở rộng diện tích có hệ thống thủy lợi nội đồng khép kín, chủ động tưới tiêu, phòng chống hạn, úng trong sản xuất. Trong đó kinh cấp 3, nội đồng do nông dân tự làm, còn lại do nhà nước đầu tư.

b- Hệ thống giao thông:

- Tập trung nâng cấp đường tỉnh và một số tuyến đường quan trọng cho các tiểu vùng phát triển, cải tạo nâng cấp hệ thống đường huyện, tiếp tục mở tuyến đường ô tô đến các xã còn lại.

. Đường tỉnh: Làm mới đường tỉnh 921 về phía Kiên Giang, đường tỉnh 925 từ Đông Phước đến Phú Hữu, đường tỉnh 927 từ Phương Bình đến QL 61 qua căn cứ Tỉnh ủy và từ Phương Bình đến ngã ba Vĩnh Tường, đường tỉnh 930 từ Vĩnh Viễn - ngã ba Nước Trong, đường tỉnh 929 đến Thới Lai, đường tỉnh 924 đến Cái Côn, tuyến đường từ thị xã Vị Thanh đến kênh Một ngàn, tuyến từ thị trấn Long Mỹ đến Ngã Năm, Rạch Gòi đến Bùn Tàu, Rạch Gòi đến kinh Một ngàn..., đường từ khu chế xuất đi Thốt Nốt.

. Hệ thống đường huyện về xã: Phần đầu đạt cấp VI đồng bằng, cầu trên tuyến được xây dựng bằng bê tông tải trọng H8. Đường nông thôn vận động nhân dân trải mặt cứng (bê tông hoặc nhựa) bảo đảm xe 2-3 bánh đi lại trong 2 mùa mưa nắng.

- Đường thủy: Nạo vét thông thoáng, chống sạt lở đất.

- Tạo thuận lợi để khởi công cầu Cần Thơ đúng tiến độ, kiến nghị Trung ương sớm khởi công nâng cấp quốc lộ 1A, lộ 91, 91B, 61, công trình mở rộng tuyến đường thủy từ TP Hồ Chí Minh đi Cà Mau, Kiên Lương qua Cần Thơ, mở rộng cảng Cần Thơ, xây dựng mới cảng Cái Cui kết hợp nạo vét luồng Định An, cải tạo, nâng cấp sân bay Cần Thơ.

c- Phát triển lưới điện:

Cải tạo và phát triển mạng lưới điện trung, hạ thế vừa cung cấp điện cho sinh hoạt, vừa phục vụ mục tiêu công nghiệp hóa. Nghiên cứu sử dụng các dạng năng lượng mới như gió, khi sinh vật, năng lượng mặt trời đối với các hộ sống xa nơi tập trung dân cư. Bảo đảm an toàn trong sử dụng điện, hạ tỷ lệ hao hụt đường dây. Tỷ lệ hộ sử dụng điện theo khu vực trên địa bàn tỉnh: toàn tỉnh 90%, nông thôn 80%.

d- Cung cấp nước sạch:

Thực hiện tốt chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đến năm 2005 có khoảng 80% dân cư sử dụng nước sạch (hộ nông thôn 60%).

9- Phát triển giáo dục - đào tạo:

- Thực hiện đa dạng hóa các loại hình giáo dục - đào tạo, tiếp tục sắp xếp mạng lưới trường lớp, huy động các nguồn lực xây dựng trường lớp học, xóa ca 3, xóa trường, lớp học cây lá tạm bợ, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành cho các trường học nhất là các trường ở nông thôn, rút ngắn chênh lệch chất lượng giáo dục - đào tạo giữa thành thị và nông thôn. Điều chỉnh cơ cấu đào tạo, khắc phục dần tình trạng mất cân đối giữa tỉ lệ đào tạo bậc đại học, trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề.

- Cải tiến, đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học trong phạm vi cho phép. Bảo đảm đào tạo đủ số giáo viên đứng lớp, có trên 90% đội ngũ giáo viên phổ thông được chuẩn hóa.

- Phần đầu đến năm 2005 đưa 90% trẻ 3-5 tuổi vào các trường, lớp mẫu giáo, 100% trẻ em 6 tuổi vào lớp 1, tỷ lệ học sinh trung học cơ sở trong độ tuổi đạt 70%, phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt 60% số phường, thị trấn, 50% số xã; hướng nghiệp cho học sinh sau khi học hết bậc trung học cơ sở, trung học phổ thông nếu không có điều kiện học cao hơn tiếp tục học nghề theo hướng phân luồng giáo dục - đào tạo hiện nay. Có chính sách khuyến khích hỗ trợ đi đôi với củng cố và nâng cao chất lượng trường dạy người mù, trẻ em khuyết tật, trường phổ thông nội trú của tỉnh đào tạo con em các gia đình chính sách, con em đồng bào dân tộc, con em gia đình nghèo học giỏi.

- **Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, pháp luật** trong các nhà trường. Tập trung xây dựng thành nền nếp, đạt hiệu quả phong trào "kỷ cương., tình thương, trách nhiệm".

- Quy hoạch và tổ chức lại một cách hợp lý hệ thống dạy nghề trên địa bàn tỉnh, đa dạng hóa các hình thức đào tạo nghề, phấn đấu đến năm 2005 có khoảng 14-15% lao động qua đào tạo. Quan tâm đào tạo trên đại học, hàng năm ngân sách dành tỷ lệ thích đáng để hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng học sinh, sinh viên giỏi, có năng khiếu, các nhà khoa học trẻ, giỏi, và thu hút chất xám từ các nơi về tỉnh công tác.

- Đề nghị Trung ương cho chuyển Trung tâm Đại học tại chức thành Trường Đại học, góp phần đào tạo thêm nguồn nhân lực theo yêu cầu của tỉnh và khu vực.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước và xã hội về giáo dục - đào tạo. Thực hiện đúng chính sách nhà nước đối với giáo viên dạy thêm giờ, có chính sách khuyến khích giáo viên về công tác vùng nông thôn, vùng kháng chiến. Khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm vô tổ chức, kém chất lượng. Tăng cường công tác thanh tra giáo dục, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả.

10. Phát triển y tế- chăm sóc sức khỏe - kế hoạch hóa gia đình:

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chủ động phòng chống dịch bệnh, nâng cao thể lực, sức khỏe, tuổi thọ cho mọi người. Xây dựng mạng lưới y tế cơ sở gắn với chương trình phát triển nông thôn và quá trình đô thị hóa. Lồng ghép có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn bảo đảm đạt kết quả các mục tiêu của công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng và dân số kế hoạch hóa gia đình trên cơ sở củng cố, phát triển y tế xã, ấp, tình nguyện viên sức khỏe cộng đồng.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phục vụ trong ngành y tế từ tỉnh đến cơ sở, tạo chuyển biến mới trong công tác khám và chữa bệnh, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

- Vận động toàn dân, trước hết trong từng hộ gia đình thực hiện tốt vệ sinh môi trường, vệ sinh thực phẩm, dùng nước sạch, ăn chín, uống chín, chủ động phòng chống dịch bệnh trong các thời điểm giao mùa và khi lũ lụt xảy ra, khống chế các loại dịch bệnh nguy hiểm. Có biện pháp hữu hiệu đẩy lùi các loại bệnh xã hội như lao, bướu cổ, bệnh lây lan qua đường tình dục, ma túy. Phấn đấu loại trừ bệnh phong, bại liệt, uốn ván sơ sinh.

- Nâng cao chất lượng y tế huyện đủ sức chẩn đoán, cấp cứu, điều trị tại chỗ, chỉ đạo công tác phòng bệnh tuyến trước. Quy hoạch phòng khám khu vực, đầu tư trang thiết bị hiện đại, nhằm đưa kỹ thuật cao xuống gần dân.

- Thừa kế và phát triển y học dân tộc, kết hợp Đông y - Tây y, từng bước hiện đại hóa y học cổ truyền. Đưa y học dân tộc vào cộng đồng, mỗi gia đình biết trồng và sử dụng các loại thuốc nam phổ biến.

- Thường xuyên tuyên truyền giáo dục các tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức về dân số, kế hoạch hóa gia đình. Phấn đấu đến năm 2005 giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,32%, hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 25%.

- Mở rộng bảo hiểm y tế, thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho gia đình đối tượng chính sách và người nghèo. Tăng cường công tác quản lý nhà nước và xã hội về y tế, dân số- kế hoạch hóa gia đình. Thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho gia đình đối tượng chính sách và người nghèo. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động y tế, nhất là y dược tư nhân, xử lý nghiêm những vi phạm y đức người thầy thuốc và những tiêu cực trong hoạt động y tế.

11- Phát triển văn hóa và sự nghiệp thể dục - thể thao:

a. Văn hóa thông tin:

- Tiếp tục phát huy bản sắc văn hóa của vùng châu thổ Cửu Long, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng tỉnh Cần Thơ có nền văn hóa phát triển ngày càng cao, môi trường xã hội lành mạnh, góp phần cùng cả nước xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 5, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thực hiện có hiệu quả phương thức xã hội hóa hoạt động văn hóa, đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở" đặc biệt là xây dựng đời sống văn hóa trong từng gia đình, trong cộng đồng xã, phường, trong từng cơ quan, đoàn thể chính trị, xã hội.

- Chú trọng công tác bảo tồn, bảo tàng, đi sâu nghiên cứu các giải pháp phát huy các di sản văn hóa, lịch sử. Tiếp thu xây dựng và phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng đi đôi với việc củng cố các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp, các trung tâm văn hóa phục vụ tốt nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của quần chúng và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Thực hiện tốt chính sách văn hóa đối với tôn giáo, đấu tranh bài trừ các loại vật phẩm phi văn hóa, mê tín, phản động.

- Phát triển mạnh sự nghiệp báo chí, xuất bản theo hướng từng bước chính qui hiện đại. Nâng cao chất lượng báo Cần Thơ, Tạp chí văn nghệ, phát thanh, truyền hình, thực hiện tốt chức năng là tiếp nối của Đảng, Nhà nước và dẫn dắt nhân dân ở địa phương. Phối hợp thật tốt với hệ thống báo chí xuất bản của Trung ương và các tỉnh trong vùng, đặc biệt với thành phố Hồ Chí Minh phục vụ thiết thực nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Đẩy mạnh phong trào sáng tác, tạo ra nhiều tác phẩm văn hóa, nghệ thuật tiêu biểu. Nâng cao chất lượng công tác lý luận, phê bình văn học nghệ thuật để cổ vũ nhân tố mới, chấn chỉnh khuynh hướng lệch lạc trong sáng tác.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng lực lượng làm công tác văn hóa thông tin, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, các thiết chế văn hóa, các khu vui chơi giải trí, du lịch tiêu biểu, các phương tiện kỹ thuật phục vụ báo chí. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phát thanh - truyền hình, nâng thời lượng phát sóng, mở rộng diện phủ sóng truyền hình trên khắp địa bàn tỉnh.

b. Thể dục thể thao:

- Hoạt động thể dục - thể thao có vai trò quan trọng trong việc thực hiện nếp sống lành mạnh, nâng cao thể lực và ý chí để tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ tổ quốc. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thể thao, phát triển phong trào thể dục toàn dân và thể thao thường xuyên rộng khắp cơ quan, khu vực, ấp, xã, trường học, lực lượng vũ trang, phong trào tập dưỡng sinh cho người cao tuổi. Tỷ lệ luyện tập thể dục - thể thao thường xuyên chiếm 15% dân số.

- Xây dựng và cải tạo cơ sở khu Liên hợp TDTT của tỉnh theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Tăng cường đầu tư của nhà nước xây dựng hệ thống sân bãi, cơ sở luyện tập TDTT cấp huyện, khuyến khích các thành phần kinh tế có điều kiện đầu tư kinh doanh cơ sở luyện tập, sân mini tại các xã, ấp, khu dân cư cho lực lượng thanh thiếu niên có nơi sinh hoạt TDTT, rèn luyện thể lực.

- Xây dựng trung tâm đào tạo cán bộ quản lý, lực lượng vận động viên nhất là vận động viên trẻ, học sinh năng khiếu, cung cấp vận động viên tài năng cho đội tuyển quốc gia, nâng cao thành tích thể thao của tỉnh nhà. Xây dựng đội ngũ huấn luyện viên và trọng tài có đẳng cấp quốc gia.

- Củng cố số đội thể thao cấp quốc gia, lực lượng vận động viên có tầm cỡ quốc gia tập trung vào các môn cờ vua, bóng đá, bóng rổ, bóng bàn, quần vợt, võ Judo các bộ môn khác tiếp tục xây dựng phong trào trong khối cơ quan, trường học, lực lượng vũ trang.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động thể dục - thể thao. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể dục thể thao để huy động nhiều nguồn lực cho phát triển thể dục - thể thao.

12. Giải quyết việc làm, giảm nghèo và các chính sách xã hội:

a. Giải quyết việc làm:

- Quan tâm mở rộng sản xuất kinh doanh, mở mang ngành nghề nhất là tại địa bàn nông thôn tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng chuyển dần lao động nông nghiệp sang hoạt động công nghiệp, dịch vụ ngay tại nông thôn. Giảm tỷ lệ lao động chưa có việc làm xuống còn 4- 5% vào năm 2005. Kết hợp chặt chẽ đào tạo nghề và giải quyết việc làm tại chỗ hàng năm khoảng 35.000 - 40.000 lao động, xuất khẩu lao động đi làm việc ở nước ngoài 200-400 lao động/năm. Tiếp tục quan tâm thực hiện công tác di dân dân, sắp xếp lại dân cư theo các chương trình của Chính phủ và địa phương, trong 5 năm 2001-2005 đạt mục tiêu 4.000 hộ, 20.000, giải quyết việc làm cho 8.000 lao động.

- Mở rộng các trung tâm tư vấn, dịch vụ giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh, chú ý tại các thị trấn, thị tứ tạo ra cơ sở xã hội cho việc hình thành thị trường lao động. Kiến nghị Bộ Lao động - TBXH, Tổng cục dạy nghề đầu tư nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho Trường công nhân kỹ thuật và 3-4 trung tâm dạy nghề ngắn hạn.

b. Giảm nghèo:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo trên từng địa bàn theo hướng xã hội hóa. Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 5% vào năm 2005 (theo tiêu chí mới dưới 100.000 đồng/ người/ tháng đối với hộ nông thôn và dưới 150.000 đồng/ người/ tháng đối với hộ thành thị).

- Vận động, khuyến khích người giàu, người khá, người có tay nghề giúp đỡ người nghèo, người có khó khăn, tạo việc làm cho người nghèo; phát huy và nhân rộng mô hình hộ nghèo vượt khó, mô hình giúp nhau xóa đói giảm nghèo tại các cụm dân cư, xã ấp và những cá nhân, đơn vị thực hiện tốt công tác giảm nghèo. Mở rộng các hình thức tín dụng hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình.

- Tiếp tục vận động các cơ sở sản xuất, nhân dân thực hiện phong trào xây dựng nhà tình thương cho các hộ nghèo, neo đơn theo từng địa phương, xã, phường, thị trấn.

c. Chính sách xã hội:

- Tiếp tục thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với nước, chăm lo, giúp đỡ, phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thân nhân liệt sĩ già yếu cô đơn, đỡ đầu con liệt sĩ mồ côi không nơi nương tựa. Nhân rộng mô hình thương binh giúp nhau làm kinh tế, làng xóm nhận đỡ đầu thân nhân thương binh liệt sĩ neo đơn.

- Đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, từ thiện giúp đỡ những người khó khăn, hoạn nạn, trẻ mồ côi lang thang, người tàn tật, người già không nơi nương tựa.

- Tiếp tục củng cố các trung tâm, cơ sở xã hội hoạt động có hiệu quả, đẩy mạnh các hoạt động phòng chống tệ nạn ma túy mại dâm, từng bước đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

- Quy hoạch xây dựng một số chung cư công chức, công nhân lao động và người có thu nhập thấp ở đô thị theo hướng bán trả góp có thời gian để có điều kiện ổn định nơi ở. Có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với cửa ngân hàng phát triển nhà ở ĐBSCL lập chương trình cho vay xây dựng nhà kiên cố, bán kiên cố đối với các hộ nông thôn, khuyến khích hình thức hợp tác, hùn vốn giúp nhau làm nhà.

13- Phát triển đô thị:

Phát triển hệ thống đô thị trong tỉnh gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế và gắn với chiến lược phát triển đô thị của cả nước. Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020 đã xác định hành lang phát triển đô thị của tỉnh trên tuyến Quốc lộ 1A và quốc lộ 91, bao gồm TP Cần Thơ, thị trấn Ô Môn, Thốt Nốt, Cái Răng, Phụng Hiệp và khu công nghiệp tập trung- khu chế xuất Trà Nóc, khu công nghiệp Hưng Phú trong đó TP phố Cần Thơ sẽ phát huy vai trò trung tâm vùng ĐBSCL. Việc hình thành các khu vực kinh tế trọng điểm của tỉnh tạo cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở xã hội cho việc hình thành các khu đô thị mới như khu công nghiệp tập trung- khu chế xuất Trà Nóc, khu công nghiệp và đô thị mới Hưng Phú, khu công nghiệp Vị Thanh. Phát triển thị xã Vị Thanh tạo sức lan toả của hành lang đô thị. Đầu tư nâng cấp thị trấn Phụng Hiệp và đề nghị Chính phủ cho thành lập thị xã Phụng Hiệp- Ngã Bảy. Chú trọng phát triển các thị trấn, thị tứ, các cụm kinh tế- xã hội, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

Phát triển đô thị đi đôi với quản lý và lập lại trật tự kiến trúc, xây dựng đô thị, chủ động kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch, xử lý kiên quyết vi phạm về quản lý đô thị, nhất là xây dựng cơ bản, giải quyết tốt những vấn đề về xã hội ở đô thị. Tập trung chỉ đạo lập quy hoạch chi tiết sử dụng đất đai, tăng cường quản lý sử dụng đất đô thị. Thực hiện phân công, phân cấp quản lý đô thị, từng bước khắc phục tình trạng thiếu thống nhất và không đồng bộ trong quản lý đô thị, tăng dần quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền cơ sở về quản lý đô thị.

a/ Thành phố Cần Thơ: Thành phố Cần Thơ là trung tâm kinh tế, thương mại- dịch vụ, văn hóa, giáo dục - đào tạo của tỉnh và là đầu mối giao thông quan trọng của ĐBSCL. Thành phố Cần Thơ hiện là đô thị loại II trong hệ thống đô thị quốc gia, sẽ có khả năng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trong tương lai. Thành phố Cần Thơ được phát triển theo hướng thành phố xanh, sạch, trải dài theo sông Hậu và bao bọc bởi vườn cây ăn quả. Thành phố Cần Thơ phải vươn lên trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020, là trung tâm lớn về thương mại - dịch vụ của ĐBSCL, cơ cấu kinh tế là công nghiệp - thương mại dịch vụ- nông nghiệp. Nông nghiệp vùng ven thành phố chuyển mạnh sang trồng cây ăn trái, hoa kiểng, cây công nghiệp và rau màu, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi bò sữa.

b/ Thị xã Vị Thanh: Đang được coi trọng đầu tư phát triển, tương lai trở thành trung tâm tiểu vùng. Cơ cấu kinh tế cần có sự chuyển dịch mạnh mẽ. Trước mắt vẫn chú ý vai trò của nông

nh nghiệp nhưng phải tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Phần đầu đến năm 2005 sẽ là thị xã có cơ cấu kinh tế thương mại dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

14- Xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền: Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết TW 3 (khóa VIII), xây dựng nhà nước trong sạch vững mạnh. Phát huy dân chủ trên các mặt đời sống xã hội đi đôi với tăng cường pháp chế XHCN, thiết lập trật tự, kỷ cương. Có hình thức thích hợp để cán bộ, công chức và nhân dân tham gia góp ý chủ trương, chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước, các chương trình KT -XH của địa phương, thực hiện ngày càng tốt hơn qui chế dân chủ ở cơ sở.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, nhất là chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân đối với hoạt động của UBND các cấp. Mở rộng thảo luận, tranh luận, chất vấn và nâng cao chất lượng các kỳ họp HĐND. Các cơ quan hành chính nhà nước chấp hành nghiêm chỉnh quyết định của cơ quan dân cử, chịu sự giám sát, kiểm tra của cơ quan dân cử. Duy trì thường xuyên mối liên hệ đại biểu dân cử và cử tri.

Tiếp tục cải cách bộ máy chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả quan tâm đúng mức đến cải cách thủ tục hành chính, trước hết là các vấn đề có liên quan đến kinh tế và đời sống xã hội như thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản, thẩm định dự án, đăng ký kinh doanh, cấp quyền sử dụng đất ở, nhà ở đô thị... Đào tạo bồi dưỡng, nâng cao chất lượng cả đức lẫn tài đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính quyền các cấp, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý thích đáng nạn quan liêu, hách dịch, ức hiếp quần chúng, tham nhũng, hối lộ trong một bộ phận công chức nhà nước.

Kiện toàn các cơ quan tư pháp các cấp, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp vững mạnh về chính trị, đạo đức, nghiệp vụ nhằm bảo đảm ngăn chặn, đấu tranh kịp thời và có hiệu quả các loại tội phạm. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

15 . Củng cố quốc phòng và an ninh:

- Tiếp tục giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, tăng cường quốc phòng an ninh trong quá trình mở cửa hội nhập và mở rộng hợp tác quốc tế, coi đó là nhân tố để phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị (khóa VIII) "Về chiến lược an ninh quốc gia, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh", thường xuyên đề cao cảnh giác, tiếp tục đấu tranh làm thất bại âm mưu diễn biến hoà bình, bẻ gãy mọi kế hoạch phá hoại của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị địa phương.

- Xây dựng phương án phòng thủ, thực hiện tốt phối hợp diễn tập thực binh, bảo đảm triển khai nhanh và có hiệu quả cao trong mọi tình huống, thực hiện nhiệm vụ gọi thanh niên nhập ngũ hàng năm và phát triển lực lượng dân quân tự vệ đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Đấu tranh ngày càng có hiệu quả phòng chống các loại tội phạm, chủ động ngăn ngừa hạn chế đến mức thấp nhất các vụ trọng án, tội phạm ma túy, tội xâm phạm đến quyền trẻ em. Phát triển đều khắp tổ an ninh nhân dân, phát động phong trào quần chúng rộng rãi bài trừ tệ nạn, tạo chuyển biến rõ về trật tự an toàn xã hội.

Phần thứ ba

Giải pháp, kiến nghị và tổ chức thực hiện

I- Giải pháp :

Để thực hiện mục tiêu kế hoạch 5 năm 2001-2005 phát triển kinh tế - xã hội phải có hệ thống các giải pháp đồng bộ nhằm phát huy tối đa các nguồn lực trong tỉnh và có sự hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước như huy động vốn, thu hút đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ.

1- Giải pháp tạo vốn:

. Cải cách cơ bản các hình thức, biện pháp thu thuế, quản lý chặt các nguồn thu phát sinh ngoài kế hoạch, tăng nguồn thu ngân sách và bảo đảm các nguồn chi thường xuyên, vừa tạo nguồn vốn đầu tư. Vận động tiết kiệm, tham gia đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp phát triển sản xuất.

. Sử dụng hợp lý nguồn vốn ngân sách, các quỹ thu từ khai thác bất động sản của khu vực Nhà nước cho mục tiêu đầu tư cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, phát triển nông thôn.

. Tăng cường hoạt động của hệ thống ngân hàng, đa dạng hóa nguồn vốn huy động để tạo nguồn vốn vay ngắn hạn, trung hạn cho các thành phần kinh tế. Thực hiện cơ chế vay vốn đầu tư ứng trước, lấy hiệu quả tài chính của công trình trả nợ dần theo kỳ hạn.

- Khẩn trương sắp xếp doanh nghiệp, cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước, nhanh chóng khắc phục và giải quyết dứt điểm một số công ty làm ăn thua lỗ để tạo vốn bổ sung cho các đơn vị sản xuất kinh doanh có hiệu quả, các doanh nghiệp công ích.

. Đẩy nhanh tiến độ xã hội hóa đầu tư các lĩnh vực văn hóa-xã hội huy động nguồn lực khai thác những loại hình sự nghiệp có thu như giáo dục, y tế, dạy nghề, thể dục thể thao, dịch vụ văn hóa..., tiếp tục thực hiện hình thức huy động vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là kết hợp xây dựng giao thông, thủy lợi, sắp xếp cụm dân cư ở nông thôn.

. Khuyến khích các doanh nghiệp các tỉnh, thành phố tham gia đầu tư vào tỉnh Cần Thơ dưới hình thức đầu tư trực tiếp, liên doanh, liên kết hợp tác phát triển...trên cơ sở các chính sách ưu đãi như cho thuê đất, cơ sở hạ tầng.

. Tăng cường quan hệ thường xuyên với các Bộ, ngành TW để tiếp nhận thông tin, chuẩn bị các dự án tài trợ từ nguồn ODA thích hợp.

. Thúc đẩy các hoạt động đối ngoại và thông báo danh mục các dự án khuyến khích đầu tư, các chính sách ưu đãi để các nhà đầu tư tiếp cận và lựa chọn.

. Điều chỉnh giá thuê đất tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, phát triển cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, dịch vụ, trọng tâm là cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Trà Nóc 2, Hưng Phú, bước đầu tại khu công nghiệp Vị Thanh để thu hút các nhà đầu tư.

2- Giải pháp khoa học - công nghệ:

. Vận dụng linh hoạt, thực hiện có hiệu quả Luật Khoa học công nghệ và môi trường Quốc hội vừa thông qua.

. Thực hiện hình thức chuyển giao công nghệ bằng hợp đồng đặt hàng công trình khoa học kỹ thuật, công nghệ, các dịch vụ tư vấn khoa học công nghệ. áp các chính sách biểu dương, khen thưởng, trích tỷ lệ lợi nhuận thỏa đáng cho các nhà khoa học có công trình nghiên cứu ứng dụng hiệu quả vào sản xuất và phục vụ đời sống.

. Thực hiện ưu đãi đầu tư, thuế trong các lĩnh vực công nghệ, sản xuất thiết bị tiên tiến, các sản phẩm sản xuất thử bằng công nghệ mới như hỗ trợ đầu tư nghiên cứu, giảm- miễn thuế, giao mặt bằng sản xuất. Khuyến khích các doanh nghiệp dành một phần vốn từ quỹ phát triển sản xuất cho nghiên cứu đổi mới, cải tiến công nghệ và đào tạo nhân lực.

. Thực hiện nghiêm chỉnh quyền sở hữu công nghiệp. Các dự án đầu tư đều phải được thẩm định, xem xét của các tổ chức khoa học về giải pháp công nghệ, chất lượng sản phẩm, đánh giá tác động môi trường. Tăng cường hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản lý tiêu chuẩn đo lường và kiểm tra chất lượng sản phẩm.

. Đổi mới cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học công nghệ, có kế hoạch trẻ hóa đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học - công nghệ. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học- công nghệ ra nước ngoài trao đổi, nghiên cứu khoa học.

. Thành lập Trung tâm thông tin khoa học công nghệ giúp các doanh nghiệp lựa chọn công nghệ, dự báo hướng phát triển thị trường. Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng khoa học công nghệ, hỗ trợ, củng cố, tăng cường hoạt động của các Hội đồng khoa học kỹ thuật. Củng cố, sắp xếp lại bộ máy khoa học công nghệ và môi trường phù hợp với tình hình mới.

. Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, nhằm tăng thêm nguồn tài trợ, chuyên gia giỏi, hợp tác huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật và chuyển giao công nghệ.

3- Giải pháp thị trường:

- Tổ chức và nâng cao khả năng của hệ thống thông tin, dự báo và xử lý thông tin về thị trường. Hình thành Trung tâm xúc tiến và môi giới tư vấn thị trường cho các doanh nghiệp, tăng cường công tác thị trường nước ngoài.

- Tăng cường hoạt động thương mại tại các đô thị, hướng mạnh về thị trường nông thôn. Phát triển hệ thống trung tâm thương mại, hệ thống chợ, mạng lưới hợp tác xã mua bán tạo kênh phân phối rộng khắp. Tăng cường liên doanh, liên kết giữa thương nghiệp quốc doanh, cơ sở công nghiệp, hợp tác xã, thương nghiệp tư nhân bảo đảm cung ứng hàng hóa, dịch vụ đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất, tiêu dùng, tiêu thụ nông sản.

- Đẩy mạnh quan hệ hợp tác liên doanh, liên kết trao đổi, bổ sung hàng hóa, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm giữa Cần Thơ với các tỉnh trong vùng ĐBSCL, Đông Nam Bộ, đặc biệt là TP Hồ Chí Minh và các địa phương khác trong cả nước.

- Mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả của các hoạt động xúc tiến thương mại, hướng dẫn các hoạt động này gắn kết với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa. Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước như tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ các hoạt động xúc tiến thương mại; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ kinh doanh xuất khẩu.

- Củng cố và mở rộng thị trường quen thuộc: Asean, EU, Nhật Bản, Úc, phục hồi thị trường Nga và các nước Đông Âu, khai thông thị trường Mỹ, Trung cận Đông, Châu Phi, Nam Mỹ, đặc biệt thị trường các nước chung biên giới Trung Quốc, Lào, Campuchia.

- Các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu đẩy mạnh hoạt động quảng cáo, chào hàng, khuyến mãi, thực hiện tốt chế độ hậu mãi, tổ chức hội nghị khách hàng lấy ý kiến để cải tiến sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường. Sản phẩm sản xuất phải đạt các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia. Đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu cố gắng đạt tiêu chuẩn theo hệ thống chất lượng quốc tế.

- Thực hiện tốt một số chủ trương, chính sách để tăng khả năng tiêu thụ nông sản theo Nghị quyết 09/2000/NQ-CP ngày 15/6/2000 của Chính phủ.

4- Giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút nhân tài:

. Điều chỉnh cơ cấu đào tạo, cân đối giữa đào tạo và sử dụng ở các trình độ và các ngành nghề khác nhau, bảo đảm được nhân lực cho các ngành mũi nhọn, các chương trình kinh tế trọng điểm, tăng nhanh tỷ lệ đào tạo ngành nghề dưới bậc đại học.

. Phát triển mạnh và bảo đảm chất lượng các cơ sở đào tạo nghề kể cả cơ sở dân lập, tư nhân. Kết hợp đào tạo mới, đào tạo lại, tranh thủ các nguồn tài trợ, học bổng, khuyến khích du học tự túc để tăng nhanh lực lượng công nhân kỹ thuật lành nghề, chuyên gia khoa học công nghệ, văn hóa, nhà kinh doanh quản lý giỏi, đội ngũ công chức có năng lực. Có chính sách hỗ trợ học bổng cho sinh viên cam kết làm việc tại tỉnh sau khi tốt nghiệp, chế độ ưu đãi đối với cán bộ, giáo viên đến công tác tại vùng sâu, vùng xa trong tỉnh. Có chính sách ưu đãi đặc biệt và ngân sách

dành một khoản kinh phí hợp lý thỏa đáng để khuyến khích đào tạo cán bộ, thu hút nguồn chất xám, nhân tài bên ngoài vào công tác tại địa phương.

. Hướng xây dựng trường công nhân kỹ thuật thành trường dạy nghề đa lĩnh vực. Các trung tâm đào tạo phối hợp với các viện, trường mở chương trình đào tạo cán bộ quản lý dự án, giám đốc xí nghiệp, cán bộ quản lý hợp tác xã.

5- Tiếp tục xây dựng quan hệ sản xuất XHCN:

Phát triển nền kinh tế hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu và đa dạng về hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh.

. Kinh tế nhà nước: Tiếp tục thực hiện sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và đẩy mạnh cổ phần hóa theo phương án được duyệt. Có biện pháp xử lý nhanh đối với các doanh nghiệp đang gặp khó khăn, làm ăn không có hiệu quả với các hình thức sáp nhập, giải thể.... Đẩy mạnh việc đa dạng hóa sở hữu đối với những doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm 100% vốn (cổ phần hóa, giao , bán, cho thuê), chỉ giữ một số lượng doanh nghiệp có qui mô thích hợp hoạt động trong các lĩnh vực trọng yếu, kinh doanh có hiệu quả, doanh nghiệp công ích, đồng thời thành lập thêm một số doanh nghiệp mới khi có yêu cầu và đủ điều kiện, nhưng phải thẩm định chặt chẽ về hiệu quả cả trước mắt và lâu dài. Trên cơ sở sắp xếp các doanh nghiệp, tăng cường đầu tư đổi mới thiết bị và công nghệ, đổi mới tổ chức cán bộ và cơ chế quản lý, thực hiện tốt Luật lao động, qui chế dân chủ trong doanh nghiệp, mở rộng liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế khác, cạnh tranh bình đẳng trên thị trường, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh, bảo toàn vốn nhà nước, nộp ngân sách đầy đủ và có lãi, từng bước phấn đấu vươn lên giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể làm nền tảng cho nền kinh tế tỉnh.

. Kinh tế tập thể: Tiếp tục củng cố kinh tế hợp tác, chuyển đổi các hợp tác xã cũ, xây dựng hợp tác xã mới đúng luật và điều lệ hợp tác xã. Trong củng cố sớm khắc phục những yếu kém của đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành, phương hướng sản xuất kinh doanh không rõ ràng, nặng về khoán thu cho hộ gia đình, chú trọng xây dựng các hình thức hợp tác và hợp tác xã cung cấp dịch vụ, vật tư và tiêu thụ sản phẩm cho kinh tế hộ gia đình, mở rộng liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Chú ý phát triển các hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành về sản xuất, chế biến, tiêu thụ và tín dụng.

Tăng cường công tác quản lý của chính quyền đối với kinh tế hợp tác và hợp tác xã về đào tạo cán bộ, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường. Củng cố, tăng cường bộ máy chỉ đạo từ tỉnh đến cơ sở, có kinh phí hoạt động, kịp thời sơ tổng kết rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, nhân rộng mô hình làm ăn có hiệu quả.

. Kinh tế tư nhân (kể cả kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) :

Vận dụng đúng đắn, sát hợp với chủ trương, chính sách, pháp luật nhà nước, ban hành các qui định theo thẩm quyền nhằm tạo hành lang pháp lý thông thoáng, an toàn cho các thành phần kinh tế này phát triển. Các cấp chính quyền cần khuyến khích, động viên, giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội đầu tư vốn , công nghệ phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Củng cố và phát triển cơ sở liên doanh với nước ngoài hiện có, mở rộng các hình thức liên doanh mới, xem kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế tỉnh, có vai trò to lớn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Hướng dẫn, hỗ trợ, khuyến khích đổi mới công nghệ, chế độ quản lý, từng bước tập trung vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh, thành phố, thị xã và các huyện. Đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ quản lý, cán bộ quản trị kinh doanh trong liên doanh, liên kết để phát huy hiệu quả và bảo đảm lợi ích của các bên đầu tư.

Tăng cường sự quản lý, chỉ đạo của chính quyền các cấp đối với thành phần kinh tế này, đảm bảo đúng luật pháp, đúng hướng qui hoạch của tỉnh, có hiệu quả kinh tế, xã hội.

6 - Chính sách và cơ chế:

- Rà soát, kiến nghị với Chính phủ sửa đổi, bổ sung những vấn đề chưa hợp lý trong việc thực hiện các luật, các văn bản dưới luật, một số chính sách tài chính - tiền tệ trong các lĩnh vực để khuyến khích đầu tư như chính sách ưu đãi thuế, chính sách giảm tiền thuê đất, chính sách giảm giá dịch vụ cho các nhà đầu tư, chính sách ưu đãi tài chính nhằm khuyến khích tái đầu tư, chính sách phát triển hệ thống ngân hàng và các trung gian tài chính khác, chính sách cho vay, chính sách giảm lãi suất cho vay, chính sách tỷ giá và quản lý ngoại hối, chính sách đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

- Tập trung nghiên cứu, tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, đơn giản hóa các thủ tục về đầu tư, thẩm định dự án, cấp giấy phép hành nghề, chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, thủ tục cấp quyền sở hữu nhà ở, đất ở đô thị và các thủ tục liên quan khác tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư.

- Tăng cường quản lý nhà nước về mặt vĩ mô đối với các doanh nghiệp bằng hình thức hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện luật và các văn bản dưới luật có liên quan đến sản xuất kinh doanh. Kiểm tra thực hiện quy hoạch, kế hoạch trung hạn, dài hạn nhằm bảo đảm thực hiện đúng đắn các nhiệm vụ đã giao cho các sở, ngành, các doanh nghiệp nhà nước.

7-Tiếp tục thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính:

. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và mối quan hệ giữa các cơ quan ở từng ngành, từng cấp, giữa tỉnh và các địa phương. Bổ sung các quy định, quy chế hoạt động của cơ quan nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

. Xác định hợp lý cơ cấu tổ chức bộ máy ở mỗi ngành, mỗi cấp, từng cơ quan trong bộ máy hành chính quản lý nhà nước. Tập trung kiện toàn những bộ phận cần thiết, sáp nhập, lồng ghép các tổ chức, cơ quan, bộ phận trùng lặp, chồng chéo, chức năng, nhiệm vụ, bỏ các khâu trung gian gây phiền hà, làm chậm công việc.

. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các chức danh tiêu chuẩn, biên chế cán bộ, công chức. Tinh giản biên chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ từng cơ quan, từng tổ chức. Triển khai thực hiện nghiêm túc Pháp lệnh về cán bộ, công chức; Pháp lệnh chống lãng phí, thực hành tiết kiệm và các quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở.

. Cải tiến công tác kế hoạch, coi công tác kế hoạch là khâu trung tâm của quản lý kinh tế vĩ mô, hướng dẫn và giúp đỡ các nhà đầu tư thực hiện đúng hướng theo quy hoạch. Tổ chức việc lập các chương trình, dự án đầu tư quan trọng trong từng giai đoạn. Tăng cường công tác thống kê nhằm có thông tin chính xác, kịp thời phục vụ cho chỉ đạo, điều hành.

. Thực hiện cải cách hành chính gắn với điều chỉnh phân vạch địa giới hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của bộ máy hành chính, phát huy dân chủ cơ sở, tạo môi trường thuận lợi phát triển sản xuất.

II- Kiến nghị

Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch 5 năm 2001-2005 phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Cần Thơ kiến nghị Chính phủ một số vấn đề chủ yếu :

1- Sớm thực hiện các dự án quan trọng trên địa bàn tỉnh đã có dự án hoặc có kế hoạch đầu tư như nâng cấp cảng Cần Thơ, dự án xây dựng mới cảng Cái Cui kết hợp với nạo vét luồng Định An, nâng cấp và khai thác có hiệu quả sân bay Cần Thơ, xây dựng nhà máy nhiệt điện Ô Môn, hệ thống 2 tuyến đường thủy TP Hồ Chí Minh đi Kiên Lương và TP Hồ Chí Minh đi Cà Mau qua Cần Thơ, dự án kiểm soát lũ qua quốc lộ 80, kênh Nàng Mau 2, dự án thủy lợi Ô Môn-Xà No, KH7, dự án cống cuối kênh Hậu Giang 3, sớm đầu tư hoàn thành công trình bệnh viện đa khoa khu vực, trung tâm thể dục thể thao khu vực 7 và các công trình đầu mối quan trọng khác; trung tâm cơ khí - điện tử- tin học kỹ thuật cao, dạy nghề, tài chính... nhằm sớm phát huy vai trò của Cần Thơ đối với vùng ĐBSCL.

2- Tăng cường nguồn vốn vay tín dụng đầu tư nhà nước vào lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng công cộng, xã hội như giao thông, bệnh viện, trường học... ngân sách địa phương hoàn trả hàng năm theo quy định của Chính phủ.

3- Có chính sách ưu đãi hơn và hỗ trợ đặc biệt cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Chính phủ sớm có cơ chế, chính sách về hỗ trợ bổ sung về tài chính, thuế, tín dụng trong một thời gian nhất định đối với doanh nghiệp hoạt động trong một số ngành nghề, địa bàn cần khuyến khích; thành lập quỹ hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ có dự án tốt đang cần vốn nhưng không có tài sản thế chấp để vay; hỗ trợ khả năng cạnh tranh thông qua việc khuyến khích đổi mới công nghệ, thiết bị; giúp về đào tạo và cải tiến quản lý; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp vừa và nhỏ được thực hiện các đơn đặt hàng của nhà nước, giúp doanh nghiệp tiếp thị sản phẩm ra nước ngoài để xuất khẩu; khuyến khích các công ty lớn sử dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ làm thầu phụ.

4- Toàn bộ nguồn vốn xổ số kiến thiết của tỉnh thu được đề nghị đưa vào xây dựng các công trình phúc lợi công cộng. Vốn sự nghiệp cho các ngành y tế, giáo dục, văn hóa thông tin, phát thanh- truyền hình không tính bình quân theo đầu dân cả nước mà nên tính theo hệ số khó khăn cho vùng ĐBSCL. Nguồn vốn ODA cần có chính sách phân bổ hợp lý, chú ý cho vùng sâu,

vùng xa của vùng đồng bằng để xây dựng cơ sở hạ tầng nhất là nước sạch, điện, giao thông nông thôn và một số công trình phục vụ tưới tiêu.

5- Đề nghị TW đầu tư mở rộng các trường dạy nghề ở các tỉnh nhằm đáp ứng đủ nhu cầu công nhân lành nghề cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cần ưu tiên chỉ tiêu xuất khẩu lao động ra nước ngoài để giảm thất nghiệp, tăng thu nhập, tăng hiểu biết cho người lao động vì lĩnh vực này ở Cần Thơ nói riêng và ĐBSCL nói chung còn rất mới.

III- Tổ chức thực hiện:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối phối hợp với các ngành, địa phương tham mưu cho UBND tỉnh triển khai và điều hành thực hiện kế hoạch 5 năm 2001-2005 phát triển kinh tế - xã hội theo kế hoạch hàng năm bằng các dự án đầu tư cụ thể thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng. Hàng năm, sơ tổng kết báo cáo UBND tỉnh những hợp lý, bất hợp lý phát sinh, trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kịp thời phù hợp tình hình thực tế của địa phương, vùng, cả nước.

- Sau khi UBND tỉnh duyệt kế hoạch 5 năm 2001-2005, các Sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ của mình xây dựng các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và cụ thể hóa chế độ, chính sách hiện hành làm căn cứ tính toán kế hoạch 5 năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh để theo dõi. Đồng thời có giải pháp điều hành kế hoạch 5 năm 2001-2005 của ngành mình đạt hiệu quả thiết thực.

- Ủy Ban Nhân dân thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh, các huyện căn cứ kế hoạch 5 năm của tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ địa phương vừa qua để cụ thể hóa kế hoạch 5 năm 2001-2005 phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, làm cơ sở xây dựng kế hoạch hàng năm từ nay đến năm 2001.

- Để nâng cao tính pháp lý của kế hoạch 5 năm cần sớm phổ biến, công bố công khai kế hoạch 5 năm để toàn dân thực hiện.

- Các cấp ủy Đảng lãnh đạo kịp thời, chặt chẽ nhằm huy động sức mạnh tổng hợp để thực hiện kế hoạch có kết quả cao nhất.

- Nghiên cứu kiến nghị với TW những cơ chế, chính sách, bổ sung các luật, văn bản dưới luật các vấn đề nảy sinh nhằm tạo hành lang pháp lý thông thoáng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Ủy ban nhân dân tỉnh cần thơ

KH 5 năm 2001-2001 tỉnh Cần Thơ chính thức